

PHỤ LỤC

ĐẠO THI

- | | |
|-------------------------------|--------------------------|
| 1 – Nhìn lại | 2 – Niết Bàn tại Thế |
| 3 – Mặc Ai | 4 – Mặc Cối Này Hoang |
| | Vắng Tịch Liêu |
| 5 – Thi Xương – Thi Họa | 6 – Lưới Thời Gian |
| 7 – Tôi | 8 – Tri Chỉ |
| 9 – Tỉnh Mộng Ban Ngày | 10 – Vô Đề |
| 11 – Chân Hạnh Phúc | 12 – Quay Về Nhà Cũ |
| 13 – Thiền Tông | 14 – Ở Đâu Kinh Điển Gấm |
| | Hoa mà Tìm |
| 15 – Trời Xuân | 16 – Lại Lon Ton |
| 17 – Tôi, Tôi, Tôi Tôi | 18 – Đạo |
| 19 – Nhận Ra | 20 – Cùng Cái Không Hai |
| 21 – Cái Không Một Vật Là Tôi | 22 – Sắc Không |
| 23 – Ta | 24 – Ấy Đây Thiên |
| 25 – Xe Tôi Thượng | 26 – Đáp Thư Đạo Hữu |
| | Phương Xa |
| 27 – Nào Xa Xôi Gì | 28 – Lộ Phải |
| 29 – Uống Chuyện Tầm Cầu | 30 – Xin Mời |
| 31 – Riêng Ta Vẫn Thế | 32 – Mím Cười |
| 33 – Pháp Gốc | 34 – Chân Nguyên Quay Về |

HẾT

NHÌN LẠI

Đã thì chán vạn phong trần.
Khổ đau, kinh cù bao lần làm nau
Mặc tình bãi bể, nương dâu,
Xăm xăm rước lấy cơ cầu, đa đoan.
Nào mộng ước, nào lo toan
Ngổn ngang trăm mối, bàn hoàn sớm hôm.
Không buông, không bỏ, ôm đồm.
Hành trang đại hải sóng cồn ngút dăng.
Năm năm, tháng tháng chập chồng.
Đường trần chỉ thấy gai chông khắp cùng.
Đày trong phiền não, hãi hùng,
Thiên la, địa võng, cũi lồng bủa vây.
Đúng là thừa đắng, thừa cay.
Lấy ai chia sẻ nỗi này cho vơi.
Oán trời rồi lại trách người.
Than van đã cạn hết lời than van.
Lò cừ nung nấu ngã, nhân.
Tám luồng gió nổi, gian truân nào tày. (1)
Lệ kia không mức vơi đầy.

Tu Di núi ấy, khổ này sánh chẳng? (2)
 Tìm thầy chỉ lối dẫn đường.
 Những mong thoát cảnh đoạn trường bấy lâu.
 Canh khuya kinh sách vùi đầu.
 Tin rằng đầy lễ nhiệm màu độ thân.
 Chẳng nề mưa nắng, xa gần.
 Phật Đường, Thiền Thất chuyên cần tới lui.
 Lại còn đồng ĐẠO tìm người.
 Bỏ công học hỏi, ra hơi luận bàn.
 Tưởng rằng tri kiến chan chan
 Thì rồi thường, lạc Niết Bàn tầm tay.
 Nhưng sao năm tháng bấy chầy.
 Chân mòn, gót rỗ, hao gầy, truân chiên.
 Càng tìm càng thấy lạc miền.
 Càng đi càng thấy hão huyền, vu vơ.
 Chũu lòng vẫn một giấc mơ:
 Nương thuyền Bát Nhã sang bờ bên kia. (3)
 ĐẠO nào có rẽ, có chia,
 Có ngăn, có cách mà đi kiếm tìm
 Hoài công đổi vết cánh chim
 Nã phiền lại cứ bòn thêm nã phiền.
 Giam mình vào chốn phược triền. (4)
 Trên mình trâu lại lần tìm dấu trâu. (5)
 Đến khi tỉnh ngộ, hồi đầu,
 Mới hay là ĐẠO sâu màu tại đây,
 Ở ngay trong cuộc sống này,
 Đã từ Vô Thủy xưa nay tròn đầy.

Rành ràng "Đương Xứ" hiện bày. (6)
"Thông tay vào chợ" tháng ngày thông dong. (7)
Nhìn hoa nở, ngắm trăng trong.
Lạt, nồng tục lụy ngoài vòng ghét, yêu.
Nhờn như sương sớm, mây chiều.
An nhiên trong ĐẠO tiêu diêu cảnh trần.
Niết Bàn, Địa Ngục chẳng phân.
Phong trần tan giữa phong trần sạch lâng.

N.B.N

Cước Chú:

(1) Trong Phật Học thì tám luồng gió ấy là: Lợi (được lợi lộc), Suy (bị thiệt thòi), Hủy (Bị mất mát), Dự (được danh thơm, tiếng tốt), Xung (được khen), Cơ (bị chê), Khổ (khổ đau), Lạc (được vui). Tám luồng gió này, hay bát phong, thổi vào Tâm, làm cho Tâm luôn nổi sóng, không khi nào được an nhiên tự tại, từ đó con người luôn phiền não, khổ đau.

(2) Núi Tu Di: cuốn "Tứ Diển Phật Học Việt Nam" của soạn giả Thích Minh Châu cho biết là theo Địa lý của Ấn Độ Giáo và Phật Giáo, Núi Tu Di là núi cao nhất nằm ở trung tâm thế giới chúng ta. Trái Đất chúng ta nằm ở phía Nam của núi Tu Di, vì vậy mà Trái Đất còn có tên là Nam Diêm Phù Đề (cõi đất ở phía Nam, có nhiều cây Diêm Phù mộc).

- (3) Phỏng theo ba chữ: "đáo bỉ ngạn" trong Phật Học. Đáo bỉ ngạn có nghĩa là tới bờ bên kia, bờ của giác ngộ, của giải thoát. Cũng như thuyền, bè đưa người từ bờ sông bên này sang bờ sông bên kia, trong Phật Học thường lấy hình ảnh Thuyền Bát Nhã đưa chúng sinh từ bờ Luân Hồi khổ não sang bờ Niết Bàn an lạc.
- (4) Phục hồi: trỗi buộc, chẳng trỗi đối lập với tự do, giải thoát.
- (5) ĐẠO ở ngay trong cuộc sống thế gian. Cứ sống trọn vẹn với cuộc sống là thấy ĐẠO ngay. ĐẠO không phải đi kiếm tìm. Thiền Tông nói: đi tìm ĐẠO thì chẳng khác gì đang cười trên mình trâu mà lại đi tìm trâu.
- (6) Đương Xứ có nghĩa là tại đây và vào lúc này (right here and right now)
- (7) Thành ngữ "Thông tay vào chợ" dịch từ bốn chữ: Nhập Triền Thùy Thủ. Bốn chữ này là nhan đề của bài Tụng kèm theo bức tranh thứ 10 trong một loạt mười bức tranh chân trâu (Thập Mục Ngưu Đồ) của Thiền Tông. Nội dung bức tranh thứ 10 này nói lên ý nghĩa một Thiền giả đã đạt Đạo sống hòa mình giữa chợ đời mà không vướng mắc vào phiền não của chợ đời.

NIẾT BÀN TẠI THẾ

*Hơn kém chuyện đời phó mặc ai.
Thong dong như nhập cảnh Thiên Thai.
Thế gian phú quý không màng tới.
Trần tục công danh chẳng đoái hoài.
Thành, bại, rủi, may âu cũng mặc.
Xưng, cơ, hủy, dự bỏ ngoài tai.*
Niết Bàn tại thế tìm đâu nữa.
Cuộc sống hiện tiền ấy chẳng sai.*

N.B.N

Cước Chú:

* Xưng: được khen. Cơ: bị chê. Hủy: bị mạt sát. Dự: được danh thơm tiếng tốt. Xưng, cơ, hủy, dự là 4 trong 8 luồng gió (bát phong) thổi vào tâm làm cho tâm không bao giờ được thanh tịnh, an nhiên. Bát phong đã giải thích ở trang 387

MẶC AI

Mặc ai khắc khoải tìm tu.
Động, am khuất nẻo, âm u lánh trần.
Tôn sư năm tháng dưới chân.
Khuôn vàng, thước ngọc chuyên cần rập theo.
Thần thơ mỡ sớm, chuông chiều.
Kệ, Kinh gấm dệt, hoa thêu ngấm nghìn.
Thế gian đau khổ, não phiền,
Nương vào cảnh trí cửa thiền giải khuây.
Riêng ta, vững giữ lời Thầy.
Hòa vào cuộc sống, tháng ngày ruổi rong.
Hiện tiền chăm chú một lòng.
Hằng hằng tỉnh thức ung dung ra vào.
Tâm không sợ ước, sợ cầu.
Tùy duyên: phép lạ nhiệm màu thiên thu.
Tu mà như thể không tu.
Sánh vai nhân thế đền bù thế nhân.
Thanh thoi giữa chốn phong trần.
Tránh in lại những dấu chân lạc loài.
Vụ danh, tướng: vạ hình hài.
Lông rùa, sừng hổ tìm tòi say mê.
Đuổi theo tri kiến bộn bề,

Sao bằng tình tấn lắng nghe chân thành
 Những lời bép xép vô thanh: (1)
 Chiếu so, phân tích, phê bình, tán dương,
 Sắp bày quĩ kế, ma phương,
 Tương lai, quá khứ mọi đường tính toán.
 Lặp đi, lặp lại miên man.
 Tràng giang, đại hải luận bàn tới lui.
 Nghe cho đến chốn, đến nơi.
 Nghe cho dứt tuyệt những lời lao xao.
 Phản văn (2)! còn pháp nào cao?
 Còn đường nào nữa đi vào an nhiên?
 "Gia trung hữu bảo" không quên. (3)
 Đường về nhà cũ, lối lên Niết Bàn. (4)
 Khốn miên, khát ảm, cơ xan. (5)
 Thông dong lạc Đạo cư trần thông dong. (6)
 Từ đây cương tỏa thoát vòng.

N.B.N

Cước Chú:

(1) Tư tưởng là tiếng nói không âm thanh. Nghe tiếng nói không âm thanh ở trong tức là tìm hiểu tư tưởng của chính mình. Và tư tưởng của ta một khi ta hiểu biết nó thì nó sẽ hồn nhiên ngưng dứt (Xin xem lại bài viết nhan đề là TƯ TƯỞNG ở trên).

(2) Phản văn: thay vì nghe tiếng nói bên ngoài lại quay vào nghe tiếng nói bên trong. Trọn câu là "Phản văn văn tự tánh". Đây là

một pháp môn cao tột của Phật Giáo giúp ta "tự tịnh kỳ ý" một cách dễ dàng nhất, hữu hiệu nhất.

(3) "Gia trung hữu bảo": trong nhà đã có sẵn ngọc quý. Ra khỏi nhà đi tìm ngọc là sai lầm. ĐẠO tại Tâm. Bỏ Tâm đi tìm ĐẠO khác nào đi tìm lông rùa, sừng thỏ.

(4) Người hành ĐẠO giải thoát phải quay lại ngôi nhà cũ, tức quay vào Tâm mới thấy được ĐẠO.

(5) Mệt thì ngủ, khát thì uống và đói thì ăn, ý nói một lối sống rất bình thường của người đã đạt được Bình Thường Tâm, tức đạt ĐẠO.

(6) Lấy ý trong câu: Cư trần lạc Đạo thả tùy duyên. Câu này dịch là: Trong đời vui Đạo sống tùy duyên.

(3) + (4) + (5) + (6): mượn ý bài kệ sau đây của Sơ Tổ Trúc Lâm:

Cư trần lạc Đạo thả tùy duyên.

Cơ tắc xan hề khốn tắc miên.

Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch.

Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền.

Sơ Tổ Trúc Lâm chính là vua Trần Nhân Tông. Ngài đã thành lập phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử, một Thiền phái hoàn toàn Việt Nam.

MẶC CÔI NÀY HOANG VẮNG TỊCH LIÊU

*Chẳng "mới" nào hơn "mới" Hiện - Tiền.
"Mới" chưa từng có, "mới" trình nguyên.
Bút thần, câu thánh nhường khôn tả
Cái "mới" vô song của Hiện - Tiền.*

*"Mới" của Hiện Tiền: "mới" vĩnh hằng.
"Mới" không hề giảm cũng không tăng.
Trăm năm vẫn thế, ngàn năm thế.
Chả "mới" nào đâu lại sánh bằng.*

*Hiện - Tiền đã mới lại toàn chân.
Không có đường nào để Ý Căn
Tìm đến vẽ vờ trò huyền ảo,
Khiến cho nhân thế ngập phong trần.*

Trước sau ghi nhớ một điều thôi:

*Những lúc nằm, đi; lúc đứng, ngồi
Cứ với Hiện Tiền cho trọn vẹn,
Ất vào cảnh giới mới tinh khôi.*

*Tinh khôi cảnh giới tuyệt an vui!
Hạnh phúc trần gian tỏa sáng ngời.
Tam độc, gốc nguồn phiền não ấy
Đã rồi biến dạng, đã từ ngời.*

*Niết Bàn cõi ấy chính là đây.
Còn cảnh nào hơn được cảnh này?
Giải thoát hoàn toàn, Tâm tự tại.
Kiếm tìm đâu nữa, uống công thay!*

*Cửa Hiện - Tiền luôn mở sớm chiều,
Người vào sao thấy chẳng bao nhiêu,
Tương lai, quá khứ lòng mê chấp.
Mặc cõi này hoang vắng tịch liêu.*

N.B.N

Tôi có gởi tặng thi sỹ Dương Huệ Anh, một người bạn trong Hội Ái Hữu Cựu Sinh Viên 'Học Viện Quốc Gia Hành Chánh, cuốn "Giải Thoát Tức

Thi". Nhà thơ này sau khi đọc chương đầu cuối sách đã ngẫu tác và gởi cho tôi hai bài Đường thi vô đề dưới đây. Để đáp lễ, tôi đã họa hai bài Đường thi này và gởi lại thi sĩ Dương Huệ Anh, người mà tôi hằng mến vì đức, phục vì tài.

HAI BÀI THI XƯƠNG

*Biết "có không" là sẽ khổ đau
Sinh, già, bệnh ... thoát khỏi ai đâu?
Áo cơm đắp đổi, hư thân xác.
Danh lợi bon chen, bạc mái đầu!
Chấp ngã, đời đời gây nghiệp ác.
Vô thường, kiếp kiếp nặng mi sầu
Pháp môn giải thoát Hằng sa số.
Trí huệ, tâm từ, mở trước sau.*

*Giải thoát Hằng sa số pháp môn.
Hai ngàn năm cộng sáu trăm hơn.
Thuyền Từ cứu nạn, ơn Bồ Tát
Được Tuệ soi đường, đức Thế Tôn.
Giữa cuộc, cứ lo thua với được.
Cuối đời, rồi biết dại hay khôn.
Đường tu chốn tiệm ... mê thành ngộ.
Gởi bạn đường hai chữ tạ ơn.*

Ngày 29-8-98 - Dương Huệ Anh

HAI BÀI THI HỌA

Biết "có là không" * hết khổ đau.
Tánh Không liễu ngộ mấy ai đâu.
Đã hay bào, ảnh là thân xác
Đâu chuốc lợi, danh bạc mái đầu
Chỉ tại vướng vào vòng thiện ác,
Nên chi rước lấy cảnh bi sầu.
Khổ đau nào phải vì phần số.
Sao nỡ Trời kia oán trước sau.

"Trực chỉ nhân tâm" ấy pháp môn.
Cổ kim còn có pháp nào hơn!
Cửa này chính cửa chư Bồ Tát.
Đường ấy quả đường Đức Thế Tôn.
Giải Thoát còn chi thua với được.
Niết Bàn sao có đại cùng khôn.
Tự tu, tự chuyển mê thành ngộ.
Chẳng thể cậy nhờ, lộ oán ơn.

Ngày 10-9-98

N.B.N

Cước Chú:

* phỏng dịch từ câu kinh: "sắc tức thị không" trong Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh.

Soạn giả L.H Tịnh Huệ có tặng cho tôi cuốn "ĐẠI THỪA YẾU LƯỢC" biên soạn rất công phu. Trong PHẦN KẾT LUẬN soạn giả có làm một bài KỆ HỒI HƯỚNG. Thấy bài kệ rất hay, tôi đã làm hai bài họa để tỏ tình thanh khí với soạn giả, một bậc đàn anh khả kính trên đường ĐẠO cũng như trên đường ĐỜI.

Nguyên tác KỆ HỒI HƯỚNG

*"ĐẠI THỪA YẾU LƯỢC" gốc nơi Tâm,
Mạt pháp, bàng môn chớ để lầm,
Mọi việc dẫn đo tìm hiểu lý,
Lý "không" đích thật chính là Tâm.*

*Tâm không vạn pháp phải quy hoàn,
Đại Thừa tu tập quyết lo toan,
Công đức trình bày xin hồi hướng,
Toàn thể chúng sinh hạnh quả tròn.*

L.H Tịnh Huệ

BÀI HỌA 1

Lấy Tâm soi chiếu lại nơi Tâm.
Chánh pháp là đây chẳng thể lầm.
Đấy lý cao thâm, vô thượng lý.
Lý nào hơn: trực chỉ nhân tâm?

Chân Tâm, nhà cũ nhắm quy hoàn.
Chẳng có điều gì phải tính toán.
Cứ thế mà đi là đúng hướng.
Tức thì quả Phật được vuông tròn.

N.B.N

BÀI HỌA 2

Đi, đứng, nằm, ngồi hãy chú tâm.
Bàng môn, mạt pháp hết sai lầm.
Có đem công sức tìm chân lý, (1)
Cũng gặp sau cùng: lý Chú Tâm.

Chú Tâm như lửa giúp quy hoàn (2)
Tự tại, an nhiên, khỏi tính toán.
Trăm hướng cũng rồi chung một hướng:
Chú tâm, giải thoát ắt vuông tròn.

Cước Chú:

N.B.N

- (1) Chân lý ở đây xin được hiểu là lý thuyết chân chính.
(2) Chú tâm được ví như ngọn lửa vì có khả năng đốt cháy tư tưởng, cội gốc của phiền não, khổ đau và sợ hãi. Quy hoàn là trở về. Cứ chú tâm trọn vẹn vào hiện tiền là tư tưởng hồn nhiên ngưng dứt và hành giả sẽ trở về với an nhiên, tự tại.

Thi sỹ NGUYỄN THU, một người bạn đồng môn trong khóa Đồng Đa, sau khi đọc cuốn "Giải Thoát Túc Thì" do tôi kính tặng, đã sáng tác và gửi cho tôi một bài Đường Thi nhan đề là "Giải Thoát". Tôi đã làm hai bài thi họa dưới đây để đáp lễ và tỏ lòng kính mến của tôi đối với thi sỹ.

Thi Xướng

GIẢI THOÁT

*Giải thoát, luân hồi dạ vấn vương.
Đường về xứ Phật lắm tai ương.
Tiếng chuông cảnh tỉnh như đưa lối.
Nhịp mõ hồi tâm tựa dẫn đường.
Thế tục trầm luân đâu vọng tưởng.
Trần ai nghiệp chướng chẳng hoài thương.
Quy y Tam Bảo nguyện tâm niệm.
Cõi Niết, thuyền Từ quyết định nương.*

Nguyễn Thu (1995)

Thi Họa 1

VI DIỆU PHÁP

*Danh lợi, trò đời mãi vấn vương.
Thế nên không thoát khỏi tai ương.
Sao đành đổ tại ma đưa lối.
Lại nỡ vu cho quỷ dẫn đường.
Quá khứ, tương lai còn vọng tưởng.
Khổ đau, phiền não ắt hoài thương.
Kìa vi diệu pháp: tâm vô niệm.
Cõi phúc thường hằng hãy tựa nương.*

N.B.N

Thi Họa 2

VÔ NIỆM PHÁP

*Dục nọ tham kia cứ vấn vương,
Sao đời không chán vạn tai ương!
Đừng mong sẽ có chuông đưa lối.
Chớ đợi rồi ra mõ dẫn đường.
Phiền não chuốc vào do vọng tưởng.
Trầm luân rước lấy ắt đau thương.
Vơi đầy khổ hải đều do "niệm".
Vô niệm: Niết Bàn ấy chốn nương.*

N.B.N

LƯỚI THỜI GIAN (1)

Thời gian, nếu được hỏi, là gì.
Ta chẳng phân vân, đáp tức thì:
Ấy chính lưới chăng, vây bủa khắp,
Nhốt người trong Địa Ngục A Tỳ. (2)

Ngay từ Vô Thủy, từ Hoang Sơ,
Lưới ấy đã chăng đến tận giờ.
Và sẽ còn chăng, chăng mãi mãi,
Như tầm muôn kiếp cứ chăng tơ.

Khác với tầm chăng tơ nhốt mình,
Thời Gian chăng lưới nhốt sinh linh,
Không cho ai tiến về phương Phật,
Bằng dấy vọng tâm, động thất tình. (3)

Lưới Thời Gian bát ngát vô cùng,
Trải rộng bao la đến mịt mù,
Thu cả nhân hoàn trong lưới ấy.
Ai người thoát nổi lưới vô chung?

Chất liệu đan thành tấm lưới này
Xưa nay không đổi cũng không thay.

Ấy là kiến thức và kinh nghiệm.
Tùy ít, nhiều nên lưới mỏng, dày.

Trong lưới, chao ôi! rất náo phiên,
Khổ đau, sợ hãi cứ triền miên.
Mãn đời, trọn kiếp trong tù túng.
Có nói Tự Do cũng hão huyền.

Thân như cá chậu, như chim lồng.
Tiến thoái bề nào cũng chẳng xong.
Tứ phía lưới chằng, chằng bắt đoạn, (5)
Chẳng hề một thoáng lỏng lơi buông.

Làm sao phá bỏ lưới này đây
Để có tự do như gió, mây,
Tận diệt náo phiên và sợ hãi,
Làm cho khổ hải hết voi đầy?

Lưới Thời Gian, rộng lớn vô song.
Những tưởng phá đi thật khó lòng.
Nhưng lửa Chú Tâm hờm sẵn đó. (4)
Lửa này, lưới ấy ắt tiêu vong.

Để mà phá bỏ lưới Thời Gian
Chẳng có gì hơn lửa Chú Tâm.
Cứ lấy lửa này thiêu lưới ấy.
Chỉ trong chớp mắt lưới tiêu tan.

Khi đã thoát ra khỏi lưới này,
Khổ đau, phiền não biến tan ngay.
Thế gian tức khắc đầy an lạc,
Thanh tịnh Niết Bàn khắp đó đây.

Cước Chú:

N.B.N

- (1) Thời gian đây là thời gian tâm lý.
- (2) Địa Ngục A Tỳ là Địa Ngục đau khổ nhất, tội nhân bị hành hạ liên tục và lâu dài, vì vậy nên còn được gọi là Địa Ngục Vô Gián.
- (3) Thất tình là: Hỷ (vui), Nộ (giận), Ai (buồn thương), Cự (Sợ), Ái (yêu), Ố (ghét), Dục (ham muốn).
- (4) Khi ta chú tâm vào hiện tiền thì tư tưởng hồn nhiên ngưng dứt, vì vậy mới ví Chú Tâm như ngọn lửa có khả năng đốt cháy tư tưởng, mà Tư Tưởng thì lại là sản phẩm của thời gian tâm lý.
- (5) Bất đoạn: không dứt, không hở, không ngắt.

TÔI

Đã nhiều khi tôi thường tự hỏi
Mình là chi trên cõi hồng trần.

Phải chăng hạt bụi tinh vân
Hóa thân hồ hải, bước chân lạc loài,
Nên đã sống cuộc đời du khách,
Đến nơi này tìm đất rong chơi?
Chẳng qua ghé lại một thời,
Ngao du ngày tháng, khóc cười mặc ai.
Thời lưu ngụ ngắn dài thì cũng
Có hơn nào giấc mộng phù du.

Can chi chúc oán, mua thù,
Tranh danh, đoạt lợi kỳ khu, mỗi mòn,
Hay vướng vào chuyện còn, chuyện mất,
Chuyện bại thành, đắc thất, rủi may. (1)
Mặc cho Trể Tạo vẫn xoay.

Tiêu dao cầm hạc tháng ngày thông dong.
Đến bao giờ kiếp cùng, số tận
Lại lên đường, vui phận ra đi.
Bao la vũ trụ bất kỳ.

Khách du đâu có hợp, ly bận lòng.

Hay là Tôi trong vòng nghiệp lực

Bị đẩy xô vô cực thời gian?
Trùng trùng duyên nghiệp khôn bàn.
Sinh, Tử, Lão, Bệnh ngập tràn khổ đau.
Từ tiếng khóc ban đầu mới cất
Cho đến ngày nhắm mắt xuôi tay,
Đắm trong tang hải vơi đầy,
Thịnh suy, suy thịnh, chó mây, trúc rờn.
Biết bao chuyện hỡi hùng, phiến nảo.
Biết bao trò giông bão, phong ba.
Cơ hàn, nghịch cảnh, can qua.
Tóc cần mái tóc, gan đà cháy gan.
Đường thế cuộc gian nan lắm nổi
Khiến thân này trôi nổi trầm luân.
Trong vô lượng kiếp trôi lăn.
Bao giờ dứt sạch nợ nần mới yên,
Mới đoạn tận nghiệp duyên nhân quả,
Mới hết đường vay trả, trả vay.
Luân hồi mới thoát vòng tay.
Bờ bên kia mới đến ngày đặt chân.

Hay là Tôi nguồn ân sủng của
Đấng Cao Dầy muôn thuở chí tôn?
Từ thể xác đến linh hồn,
Từ năng khiếu, đến trí khôn con người,
Nhất nhất đều do Ngài tác tạo.
Ngài ban cho dung mạo sáng ngời,
Điểm tô một tấm hình hài

Mà khuôn dáng hết như Ngài không sai.
Ngài lại cho cơ ngơi một cõi.
Với tròng giang, đại hải bao la,
Với cỏ cây, với lá hoa,
Chim trời, cá nước nữa là núi non.
Ăn thì có của ngon vật lạ.
Mặc thì nào tơ, lụa, gấm, nhung.
Chỉ vì xưa thiếu khiêm cung
Nên quên lời của Hóa Công dạy truyền.
Đã nghe theo lời khuyên quý dữ,
Trái cấm kia không cũ, ăn cần.
Thế nên trong cõi trần hoàn,
Trăm năm là hạn muôn phần khổ đau.
Nay nếu biết hồi đầu hối cải,
Đem niềm tin tuyệt đối vững vàng
Đặt vào nơi Đấng Quyền Năng
Thì rồi Thiên Quốc vĩnh hằng sẽ lên,
Để bên cạnh Bề Trên an hưởng
Cảnh tuyệt nhiên vui sướng đời đời.

Hay là Tôi một kiếp người,
Nhân duyên giả hợp trong trời đất thời?
Với xác thân mượn nơi tứ đại
Có hơn chi cỏ dại, hoa hèn.
Cũng vòng biến hóa tự nhiên.
Sinh ra để sẽ lớn lên và rồi
Sớm muộn cũng đến thời hoại diệt.

Dù tài năng siêu tuyệt cũng đành.
Hay dù quán thế khôn lanh
Thì rồi tro bụi cũng thành bụi tro.
Vì vốn tự hư vô mà có.
Nên rành rành có đó mà không.
Có không, không có lộn sòng.
Để gì phân định có, không cho cùng.
Kìa vạn pháp nằm trong căn giới (4)
Cũng chỉ là hư với vọng thôi.
Chẳng qua mộng ảo nhất thời.
Làm gì còn có cái "Người", cái "Tôi".

Đòi phen vẫn đứng ngồi quán tưởng,
Chẳng màng chi phí uống thời gian.
Thế rồi trong lúc thanh an,
Vượt lên thế giới giả, chân mập mờ,
Tôi thấy Tôi không là Tôi nữa
Mà chìm vào muôn thuở bao la.
Thôi thì đại địa, sơn hà,
Người người, vật vật cùng là cỏ cây
Muôn vạn nẻo đó đây cùng khắp,
Cả không gian xa tắp hiện bày,
Vô vàn tinh tú, trời mây,
Đôi vầng nhật nguyệt đông tây sáng ngời,
Tất cả ở trong tôi trọn vẹn.
Chẳng còn chi giới hạn cách ngăn,
Y như một sự hòa tan

Của giọt nước nhỏ trong ngàn trùng dương.
Không còn lại biên cương nào hết,
Biết lấy chi phân biệt dị đồng.
Thì ra nhất thể một dòng.
Mấy May với cái Vô Cùng như nhau.
Nào còn có chi đâu mà chấp.
Tôi cũng như vạn pháp ở đời.
Nhân, duyên tán tụ, đổi dời.
Một tuồng huyền hóa đâu "Người", đâu "Ta"?

Trong tâm bỗng muôn hoa nở rộ, (5)
Hoa tình thương vạn cổ xum xuê.
Mệnh môn bát ngát bốn bề.
Thương yêu đến cả cây kia, cỏ này.

N.B.N

Cước Chú:

- (1) Phỏng theo ý niệm Bát Phong trong Phật Học nói về tám luồng gió điên đảo làm động nhân tâm.
- (2) Dịch từ "Đáo Bỉ Ngạn" trong Phật Học có nghĩa là tới bờ bên kia, bờ của giác ngộ, của giải thoát.
- (3) Tứ đại là: địa đại, thủy đại, phong đại và hỏa đại (đất, nước, gió, lửa).
- (4) Căn giới: giới hạn cảm nhận, thấy biết của sáu căn: Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý.
- (5) Chừng nào còn tâm phân biệt thì không thể có tình thương yêu chân chính, đích thật. Nói cách khác, khi có tâm vô phân biệt thì Tâm, Cảnh viên dung và hành giả mới thân chứng được lý: "nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất" nghĩa là "một là tất cả, tất cả là một". Cũng chỉ vào lúc này tình yêu thương chân

chính, đích thật mới hiển lộ mà thôi. Tâm vô phân biệt là tâm phi tư tưởng, là tâm thanh tịnh.

Trong tác phẩm nổi danh "Chánh Pháp Nhãn Tạng" (Shobogenzo) của tử sách Thiền Tông Nhật Bản, tác giả, Thiền sư Đạo Nguyên (Dogen), có viết:

"Tâm của ta chứa đựng vũ trụ và có thể vượt ra ngoài tự ngã để tan hòa vào bao la rộng khắp. Cảm nhận thống nhất muôn trùng là căn bản của tình thương trong Phật Giáo".

Thật là một sự trùng hợp kỳ lạ giữa lời của Thiền Sư Đạo Nguyên (một trong ba vị Thiền sư vĩ đại nhất của Nhật Bản) với nội dung bài thơ trên đây. Sự trùng hợp này chỉ mới được phát hiện vào cuối tháng 4 năm 2001, nhân đọc cuốn "Chân Thiền" của tác giả Taisen Deshimaru.

TRỊ CHỈ

Cổ hay kim thời nào cũng vậy,
Ai người mà trông thấy chẳng đau.
Nhưng mà không biết làm sao
Tìm ra được một phép màu hiển linh
Để ngăn nạn đao binh khói lửa
Đừng một lần nào nữa xảy ra,
Cho năm châu sống an hòa,
Người trong bốn biển một nhà yêu thương.
Cứ quẩn quanh không đường giải thoát.
Vừa trải qua tổn thất hãi hùng,
Thảm thê xương núi, máu sông,
Thế nhưng đã lại đem lòng tính toan.
Bầy cuộc khác bạo tàn hơn trước,
Quyết mất còn độ sức hơn thua.
Khổ đau, tàn phá có thừa!
Xem ra cũng lại chưa vừa ý đâu.
Dòng lịch sử trước sau là vậy.
Nghịch lý này vẫn đấy, y nguyên:
Hiếu hòa bản chất tự nhiên
Mà sao lại cứ triền miên thư hùng.
Ba ngàn năm sau cùng điểm lại,
Mười lăm ngàn (15000) cuộc đại chiến tranh (1)

Nổ ra trên mặt hành tinh,
 Làm cho tàn hại, điêu linh khôn lường.
 Và kinh nghiệm máu xương đau khổ
 Chẳng hề đem lại bổ ích gì.
 Muôn đời bất dịch, bất di.
 Cứ gây những cảnh hiểm nguy, đoạn trường.
 Nay chúng ta dương dương tự phụ
 Rằng văn minh tiến bộ hơn xưa.
 Nhưng mà cho đến bây giờ
 Hòa bình vẫn chỉ giấc mơ khó thành.
 Vẫn có lửa chiến tranh âm ỷ.
 Vẫn dốc tâm chuẩn bị, dọn đường.
 Vẫn thủ thế, vẫn dè chừng.
 Hoàn cầu điểm nóng vẫn thường xảy ra.
 Biết đâu đấy chẳng là ngòi nổ
 Để loài người tiến bộ ra tay
 Biến địa cầu xinh đẹp này
 Thành thiên thể chết một ngày nào đây.
 Ma lực nào bày bày, xóa xóa?
 Càng văn minh càng quá hiểm nghèo!
 Hay văn minh phải kèm theo
 Đời sống nhân loại như treo chỉ mảnh?
 Ngấm cho kỹ chiến tranh liên tục
 Cũng chẳng qua tham dục lợi, quyền
 Làm nhân tâm hóa đảo điên,
 Thế nên kinh chống thường xuyên ẩn tàng.
 Nếu như mang "Yêu Thương Đích Thật" (2)

Thay cho "Tham" thì tất hòa bình
 Sẽ nở hoa khắp hành tinh.
 Loài người hẳn sẽ đệ huynh hài hòa.
 Cú "Tri Chỉ" ắt là sẽ có (3)
 Tình Yêu Thương hiển lộ tròn đầy,
 Chan hòa khắp cả đó đây,
 Gần xa chung sống vui vầy, bình an.
 Tham kia tự nó lụi tàn.
 Chiến tranh sẽ mất địa bàn xưa nay.
 "Nghiêu thiên, Thuấn nhật" hiện bày. (4)

N.B.N

Cước chú:

(1) Dịch từ chữ major war

(2) Dịch từ chữ true love

(3) Tình yêu thương đích thật không đi đôi với tư tưởng, vì tư tưởng vốn vị kỷ, vị ngã. Chỉ khi nào tư tưởng ngưng dứt thì tình yêu thương đích thật mới lộ dạng mà thôi. Vì vậy Phật Học dạy pháp Vô Niệm và Khổng Học dạy Tri Chỉ. "Tri chỉ nhi hậu năng định" nghĩa là Tri Chỉ thì định được Tâm. Tri Chỉ là biết thôi, biết dừng lại, biết ngưng dứt tư tưởng. Và tâm có "định" thì mới có tình yêu thương đích thật. Khi có mặt của Tư Tưởng thì yêu thương chỉ là ngôn từ đầu lưỡi, chỉ là chiêu bài để theo đuổi những mục tiêu vị ngã. Còn Tư Tưởng thì còn Tham, Sân, Si và đại họa chiến tranh vẫn còn.

(4) Trời đời Nghiêu, ngày đời Thuấn tức là đời thái bình. Đường Nghiêu và Ngu Thuấn là hai ông vua thánh triết đời xưa nước Tàu. (Hán Việt Từ Điển của Đào Duy Anh).

TÌNH MỘNG BAN NGÀY

Lữ sinh đời nhà Đường bên Trung Quốc đến quán trọ, nằm đợi chủ quán nấu kê (hoàng lương), ngủ quên, mộng thấy được làm quan to, bổng lộc nhiều, lấy vợ đẹp, đẻ con khôn. Gia đình hạnh phúc, giàu sang. Vật lạ, của ngon đầy nhà. Khi tỉnh mộng thấy mất tất cả. Nồi kê trên bếp cũng chưa nấu xong. Ý nói đời người ngắn ngủi và vạn sự ở đời đều là hư giả như cảnh trong mộng vậy.

Trước đèn lại giở lần chuyện cũ

Mong lục tìm dẫn dụ thấp cao.

Tình cờ gặp chuyện chiêm bao.

Ngẫm ra ít có chuyện nào hay hơn.

Đêm khuya khoắt, thân đơn quán trọ,

Lữ sinh nằm nghỉ đó chờ kê.

Chập chờn nửa tỉnh, nửa mê.

Lạc vào cảnh mộng mọi bề hanh thông.

Tự xưng thấy thành công mọi mặt.

Danh vọng cao, tiền bạc đầy rương.

Cửa nhà cao rộng, phong quang,

Khác gì điện ngọc, cung vàng hoàng gia.
Vợ: giai nhân mặt hoa, da phấn.
Con: gái, trai anh tuấn đầy nhà.
Uống thì mỹ tửu, vương trà.
Ăn thì hảo vị lại là thường xuyên.
Đang say mộng bỗng nhiên tỉnh mộng.
Nào nhà cao, cửa rộng đâu còn.
Công danh, tiền bạc, vợ con,
Cùng là vật lạ, của ngon biến rồi.
Trên bếp thì vẫn nồi kê ấy,
Đã chín đâu, còn đấy, đang sôi.
Lũ sinh hết đứng lại ngồi,
Ngắm suy mộng ảo đổi người, đổi ta.
Rời tự nhủ bỏ qua cảnh mộng.
Nuối tiếc chi cho động tâm mình.
Chẳng qua hư ảnh, ảo hình
Hiện ra rồi lại thành linh biến tan.
Nhưng khi đang hân hoan cảnh mộng,
Đang bám vào cuộc sống vinh hoa,
Vợ con, hảo vị, cửa nhà,
Để gì đã thấy mộng là huyền ảo.
Nếu có người hiểu sâu, biết rõ
Đem lời ra bày tỏ chí tình:
Rằng đây hư giả huyền sinh,
Có không, không có như hình phù du.
Nhược bằng cứ khư khư chấp trước
Có khác nào mua chuốc khổ đau.

Lữ sinh hẩn chẳng tin đâu.
 Cảnh này cảnh thật, dối nhau chỗ nào?
 Rành rành đấy, làm sao "giả" nhỉ?
 Nghe làm gì thuyết lý vu vơ.
 Đến khi mở mắt hết ngờ.
 Mới hay mộng, thực đời bờ rẽ phân.
 Chúng ta cũng chẳng hơn gì Lữ.
 Đang chiêm bao mắt mở trừng trừng.
 Chạy theo tham dục không ngừng.
 Khổ đau, phiền não, hãi hùng trầm luân.
 Chỉ vì đã chấp nhân, pháp ngã. (1)
 Nên tin rằng tất cả là "chân".
 Có may gặp được cao nhân
 Nói cho nghe pháp thậm thâm tuyệt vời:
 Thuyết Duyên Khởi ngời ngời sáng tỏ (2)
 Đã chiếu soi đến chỗ tốt cùng,
 Để cho liễu ngộ Tánh Không
 Của muôn vạn pháp khắp trong trần hoàn,
 Thuyết Tâm Tạo lại càng siêu việt, (3)
 Giúp chúng sinh hiểu biết được rằng
 Cõi này huyền hóa rõ ràng,
 Nặng lòng mê chấp, ấy đường quấy sai,
 Thì lại cứ một hai phản bác.
 Đem lời vàng bỏ, gác ngoài tai.
 Làm sao "huyền, giả" được đây?
 Cái "chân" ấy đã xưa nay rõ ràng!
 Tai, mắt thấy đàng hoàng sau trước,

*Thân căn từng chạm, xúc hẫng hoi.
Nếu mà huyễn, giả như lời,
Thì còn gì nữa trong đời là "chân"?
Đến khi trải phong trần, thống thiết,
Với thiên ma, bách chiết đọa đầy, (4)
Giật mình tỉnh mộng ban ngày,
Mới hay chân, giả xưa nay lộn sòng.*

*

* *

*Huyễn ảo cả! cầu mong gì nữa?
Cứ tháng ngày, lần lữa, tùy duyên,
Cảnh trần bồng hóa cảnh tiên.
Thả chân thơ thần những miền cỏ hoa.
Lấy trắng, gió bao la vô tận,
Lấy hạc, cầm làm bạn rong chơi.
Cùng thế nhân giữa chợ đời,
Tĩnh trong trường mộng thanh thoi, hài hòa.*

N.B.N

Cước chú:

- (1) Ngã đây không phải là "Ta" mà Ngã đây là thực thể cố định (fixed entity).
- (2) Theo "Thuyết Duyên Khởi" trong Phật Học thì vạn pháp đều là duyên sanh vô ngã, vô thường, nghĩa là Tánh của chúng là Tánh không.
- (3) Theo "Thuyết Duy Tâm Tạo" thì vạn pháp đều là huyễn hiện của chính tâm thức con người.
- (4) Bách chiết, thiên ma: trăm gãy nghìn mài, nghĩa bóng là nhiều nỗi gian khổ (theo Hán Việt Từ Điển của soạn giả Đào Duy Anh).

VÔ ĐỀ

*Ta vẫn là ta, vẫn thế thôi.
Kể từ bé bỏng hãy nằm nôi,
Đến nay bát thập còn thêm lẻ,
Ta vẫn là ta vẫn thế thôi.*

*Ta vẫn là ta, vẫn thế thôi.
Lúc thì nhà giáo, lúc cân đai,
Lại khi ngục thất, thân tù tội, *
Ta vẫn là ta, vẫn thế thôi.*

*Ta vẫn là ta, vẫn thế thôi.
Dù cho vật đổi với sao dời,
Non mòn, sông cạn, trò dâu biển,
Ta vẫn là ta, vẫn thế thôi.*

N.B.N.

Cước chú:

Chữ "Ta" trên đây xin được hiểu là "Chân Ngã", không phải "Phàm Ngã".

* Vì là một SQ trong QLVNCH, sau tháng 4-1975, tôi bị nhà cầm quyền CS/VN giam giữ tại Sơn La, Hà Nam Ninh và Thuận Hải.

CHÂN HẠNH PHÚC

Mọi người trong chúng ta,
Xưa hay nay cũng vậy,
Thường đôn đáo, bôn ba
Kiếm tìm chân hạnh phúc.

Niềm mơ ước khôn nguôi
Cứ nuôi dưỡng, ôm ấp.
Nhưng kết quả tìm tòi
Chỉ là niềm vô vọng.

Nhiều người vẫn nghĩ rằng
Có tiền mua Tiên được.
Với bạc biển, tiền rừng
Thì hạnh phúc tràn ngập.

Lại nhiều người cứ tin
Công danh là nguồn cội
Tạo hạnh phúc thường xuyên
Cho người trong nhân thế.

Một khi danh vọng cao,
Vừa có quyền, có lực,
Vừa có bổng lộc vào
Thì hạnh phúc như nước.

Thế nên trong đáy lòng,
Trên đường dài cuộc sống,
Một niệm THAM không cùng
Vẫn thường xuyên nung nấu,

Thúc đẩy ta tìm đường
Theo đuổi và nắm bắt
Lợi, danh chẳng biết dừng.
Đa đa thì ích thiện!

Nhưng hạnh phúc loại này
Chỉ phù du, chốc lát,
Nháng lên đã tắt ngay,
Y như một tia chớp.

Vì sợ hãi, não phiền
Luôn theo sau, theo sát,

Chẳng khác bóng theo hình,
Không rời xa nửa bước.

Như một vực, một trời,
Chân hạnh phúc khác hẳn,
Trong vắt và sáng ngời,
Không bóng THAM tiềm ẩn.

Tươi mát tựa hoa ngàn,
Bao la nhường vô tận,
Không phai lạt, lụi tàn,
Nhưng không thể tìm kiếm.

Có hoài công kiếm tìm
Cũng chẳng bao giờ thấy.
Chỉ làm kẻ mò kim
Nơi lòng sông, đáy biển.

Lờ lờ ngay hiện tiền
Chân hạnh phúc sẵn đó.
Hãy chấm dứt kiếm tìm
Thì lập tức sẽ có.

*Vốn là khách không mời,
Tìm kiếm đã chẳng được,
Mong cầu cũng vậy thôi,
Khi đến, hồn nhiên đến.*

*Chừng nào còn vướng vào
Lưới thời gian khắc nghiệt *
Thì chẳng có cách nào
Đạt tới chân hạnh phúc.*

N.B.N.

Cước chú:

Trong cuộc sống, mỗi khi ta tham muốn điều gì mà được thỏa mãn thì thấy có hạnh phúc. Nhưng lòng tham của con người nói chung không dừng ở mức nào, mà trương nở liên tục. Tham này vừa thỏa mãn thì tham khác đã tức thì nảy sinh. Vì thế hạnh phúc vừa nháng lên đã vội tắt lịm. Chừng nào chưa thoát khỏi vòng chi phối của thời gian tâm lý tức của tư tưởng thì Tham vẫn còn và con người không thể được ném mùi "chân hạnh phúc", một loại hạnh phúc đích thật và lâu dài. Chỉ khi con người biết chủ động sống với hiện tiền thì "chân hạnh phúc" mới lộ dạng. Còn tìm kiếm "chân hạnh phúc" thì chẳng bao giờ tìm kiếm được.

** Thời gian đây là thời gian tâm lý.*

QUAY VỀ NHÀ CŨ

"Vĩnh vi lăng dăng phong trần khách"*

"Nhật viễn gia hương vạn lý trình"

TRẦN THÁI TÔN

Đã từ muôn kiếp vẫn lang thang.
Hải giác, thiên nhai dãi gió sương. (1)
Chẳng biết quay về nhà cũ ấy.
Cam đành trôi dạt khắp muôn phương.

Nhắm mắt đưa chân cứ ruổi rong.
Cánh bèo mặt nước cuốn theo dòng.
Khách trần cột với phong trần mãi.
Phiền não chất chồng hết lượng đông!

Sục sạo, say mê chạy kiếm tìm.
Tìm rồi, lại tiếp tục tìm thêm.
Công danh, tài, sắc, vòng cương tỏa.
Cơn đói trăm năm chẳng đã thềm.

Thế nên đời rặt những đau thương.
Chìm đắm sâu trong biển đoạn trường.
Tuyến lệ ráo khô, thanh quản tắt.
Trôi lăn chẳng biết lúc nào ngưng.

*Nguyên nhân âu cũng thế này thôi:
Không quán Hữu Vi đến tận nơi. (2)
Một mực chấp nhân và pháp ngã.
Lời vàng khai thị bỏ buông trôi.*

*Xăm xăm bước tới quên đường về,
Về với nhà xưa, với cảnh quê,
Rỗng lặng, như như, lơ lửng đó.
Đã không ngăn cách lại gần kề.*

*Nhà cũ ở ngay tại Hiện Tiền,
Vì chưng gắn bó với tâm viên (3)
Cho nên ngày tháng thêm xa cách,
Và khiến ta lâm cảnh lạc miền.*

*Quay về như chuyện trở bàn tay.
"Điếu đạo" lần theo ắt đến ngay. (4)
Hiệp giác, hiệp trần đem hoán đổi. (5)
Niết Bàn, Địa Ngục nửa vòng quay.*

*Nhà ta khi đã trở về rồi,
Mọi chuyện xưa nay tất đổi dời.
Vọng niệm hờn nhiên ngưng dứt hẳn.
Nhị nguyên phá bỏ, hết phân đôi.*

Mạnh dạn quay về chốn ngại ngùng.
Bước vào nhà cũ thế là xong.
Tự do, an lạc nơi nào nữa?
Đấy chốn Thiên Thai giữa bụi hồng.

Giác Tánh, Chân Tâm không phải hai.
Gọi bằng "nhà cũ" cũng không sai.
Chân Tâm trực chỉ: đường chư Phật.
Nhà cũ quay về: pháp tuyệt hay!

Hành Đạo xưa nay chỉ thế thôi.
Chung qui kim cổ chẳng hai lời.
Quên trắng "chấp chỉ" hoài công sức. (6)
Đời thỏ, ôm cây uống phí đời. (7)

N.B.N.

Cước chú:

* Hai câu thơ Hán tự này xin dịch ra làm hai lời thơ Việt như sau:

- 1 - Khách trần mãi mãi lang thang.
Quê nhà ngày một bước đàng một xa
- 2 - Khách trần mãi mãi là ta.
Lang thang ngày một ngày xa quê nhà.

(1) Hải giác thiên nhai: góc biển chân trời

(2) Mượn ý từ bốn câu sau đây trong kinh Kim Cang:

Nhất thiết Hữu Vi Pháp
Như mộng, huyễn, bào, ảnh,
Như lộ, diệc như điện
Ứng tác như thị quán

Nghĩa là chúng sinh phải nên quán rằng mọi pháp Hữu Vi, tức pháp duyên sanh, đều có bản chất phù du, giả tạm như mộng, huyễn, bọt, bóng, như sương mai, như tia chớp.

(3) Trong Phật Học có thành ngữ: "Tâm viên, Ý mã" nghĩa là Tâm (vọng) như con vượn, Ý như con ngựa. Vọng Tâm hay Ý luôn luôn lăng xăng, chao động. Tâm không định được, thì phiền não, khổ đau, sợ hãi vẫn hiện hữu, vẫn tồn tại.

(4) Đức Phật, sau khi thành Đạo, chỉ cho chúng sinh con đường tắt hay đường chim bay (điều đạo) để "Thành Phật sát na gian" tức thành Phật trong sát na, chứ không phải tu đến ba a tăng kỳ kiếp như Ngài nữa. A tăng kỳ có nghĩa là vô lượng, một số nhiều không thể đếm được.

(5) Người hành Đạo giải thoát thì luôn luôn "bối trần, hiệp giác" tức quay lưng lại với trần cảnh và sống hiệp nhất với Tánh Giác. Còn chúng sinh thì lại làm ngược lại là "bối giác, hiệp trần" tức quay lưng lại với Tánh Giác và sống hiệp nhất với trần cảnh. Nay muốn hành Đạo giải thoát, chúng sinh phải quay nửa vòng hay 180 độ.

(6) Chấp chỉ: Nắm giữ ngón tay. Lấy từ thành ngữ "chấp chỉ vong nguyệt" nghĩa là nắm giữ ngón tay và quên mặt trăng. Ngón tay đây tượng trưng cho kinh kệ, còn mặt trăng tượng trưng cho ĐẠO.

(7) Ôm cây đợi thỏ: dịch từ thành ngữ "thủ châu đãi thỏ". Có người nước Tống đi cày thấy con thỏ chạy va vào gốc cây mà chết, bèn bỏ cày, ngồi ôm cây chờ thỏ đến. Thành ngữ này chỉ những hành động vô ích, không đem lại kết quả nào.

Ở ĐÂU KINH ĐIỂN GẤM HOA MÀ TÌM.

Xưa nay ta thường hay lầm lẫn
Rằng ĐẠO màu tàng ẩn trong kinh,
Nếu đem nhiệt huyết, nhiệt tình
Siêng năng ngày tháng bình sinh học hành,
Học hết kinh ắt thành ĐẠO quả.
Phật thừa kia êm ả bước vào.
Phật ta, ta Phật như nhau.
Rừng tri kiến Phật đã hầu trong ta.
Đầu óc ta nay là kinh điển.
Phật khi xưa cũng đến thế thôi.
Ngài ban châu ngọc tuyệt vời,
Thì nay ta cũng nói lời ngọc châu.
Nhưng sự thật nào đâu phải thế.
Kiến thức kia: “ngón chỉ trắng” thôi.
Ngón, trắng xa cách vực trời.
Ngón thời là ngón, trắng thời là trắng.
Cứ ngón ấy khăng khăng chấp trước,
Biết bao giờ mới được thấy trắng!
Có chẳng miệng lưỡi nói năng
Những khi cao hứng, lãng nhăng luận bàn.
Đành kinh điển muôn vàn giá trị,
Nhưng hiềm vì cũ kỹ mất rồi.
Nay đem nhái tới, nhái lui.
Chỉ thêm mệt sức, hoài hơi, ích gì.
Nói suông thôi để chi đạt tới

ĐẠO nhiệm màu vốn mới tinh khôi.
Hỏi đem kinh điển bao đời
Lấy cũ tìm mới liệu thời, được chăng?
Phật chẳng đã dạy rằng: tri kiến
Phải lìa cho bằng đến hết đi.
Cả tri kiến Phật diệu vi
Cũng thì đến lúc phải ly , phải rời.
Chỉ giữ lại một lời giản dị
Là “Phản Quang Tự Kỳ” (1) thực hành.
Quay vào và thật chân thành
Dõi xem tâm vượn tung hoành bên trong.
Dõi xem thôi mà không phán xét,
Không phê bình, yêu ghét, khen chê.
Đường ngang, ngõ tắt đi về,
Tham, sân, si ấy mọi bề, mọi hay.
Hay đầy đủ, hay ngay lập tức.
Không điều gì thoát được mắt ta. (2)
Tự tri pháp ấy: Thiền Na. (3)
Vọng Tâm hàng phục ắt là xong thôi.
Thế là một chân trời mới lạ
Sẽ mở ra ngát tỏa yêu thương.
Xóa tan hết mọi đoạn trường.
Trần gian thành cõi vô lượng an vui.
Cứ như vậy giữa ĐỜI hành ĐẠO.
ĐẠO với ĐỜI tuyệt hảo hài hòa.
Tìm chi cho mất công ra.
Ở đâu kinh điển gắm hoa mà tìm.

N.B.N

Cước chú:

(1) Phản Quang Tự Kỷ hay Hồi Quang phải Chiếu là lấy ánh sáng của Tâm, thay vì soi rọi vạn pháp ở ngoài, lại quay vào soi rọi các hiện tượng tâm giới ở trong. Phản Quang Tự Kỷ cũng là Tự Tri, cũng là Tham Thiền.

(2) Mắt ở đây là Giác Tánh chứ không phải là nhục nhãn (mắt thịt) bình thường của thế nhân.

(3) Thiền Na là một từ phiên âm của tiếng Phạn Dhyana, thường được gọi tắt là Thiền.

THIÊN TÔNG

Thiên Tông với Tâm Tông là một.
Đây là tông cao tột khôn bì,
Chủ trương chuyển hoá tức thì.
“Nhân tâm trực chỉ” còn gì hơn đâu!
Chỉ chớp mắt bước vào giải thoát.
Bao nỗi phiền chồng chất xưa nay
Hồn nhiên tan biến hết ngay.
Rõ ràng một sự chuyển xoay dị thường!
Những cái cũ hết đường lui tới,
Nhường chỗ cho cái mới tuyệt luân,
“Mới” mà ngôn ngữ thế trần
Dù phong phú cũng nín trên một bề.
Như chớp nháng từ mê sang ngộ,
Và Ta Bà, Tịnh Độ đổi thay.
Ung dung, tự tại, thơ ngây.
Chợ đời ngơ ngáo* tháng ngày thống tay.
Nhờ đâu có chuyện này đột ngột?
Ấy Thiên Tông tháo chốt, nhổ đinh.
Bỏ qua Đạo Pháp, Kệ Kinh.
Chân Tâm, Thể Tánh tận tình chỉ ra.
Ai trực nhận ắt là thấy được
Cái Bản Lai Diện Mục của mình,
Cái mà không tướng, không hình,
Và không tăng giảm, diệt sinh, đổi dời.

Thiền Tông có những lời chỉ dạy,
Lối trao truyền chẳng thấy bao giờ.
 Khi như khai trận, xổ cờ.
 Khi thì lạc lõng, ốm ở chi đầu.
Roi, gậy cũng lâu lâu dùng đến.
Lại có khi như hến ngậm cam.
 Vì Thiền phải học nơi tâm.
Ngoài tâm theo đuổi ấy lắm đấy thôi.
 Muốn lãnh hội được lời dạy dễ,
Trước tiên là phải có tâm không.
 Quay vào gạt lọc cho trong,
Thì rồi Thể Tánh mới hòng nhận ra.
 Tư duy ấy vốn là rào cản.
 Còn tư duy ắt hẳn hãy còn
 Nghìn trùng cách trở nước non.
Huấn ngôn âu vẫn cội nguồn dặm xa.
Thiền chẳng phải là khoa xảo diệu,
 Mà chỉ nhằm chủ yếu phục hồi
 “Bình thường tâm” ấy mà thôi.
Vọng cầu thần bí mắc mồi tà ma.
 Nhận ra được ngôi nhà cũ ấy
Từ Hoang Sơ bỏ đấy, lang thang,
 Trở về với chốn gia hương,
Giữ ngôi ông chủ đường đường an vui.
 Tám gió nọ không nơi tác quái.
Phiền não kia cũng phải khoanh tay.

Tự do tuyệt đối nơi này!
Tây Phương Cực Lạc giữa ngay phàm trần.
Không mất công dò lẩn ngư tích,
Cũng tìm ra được đích danh trâu,
Nhanh như khe cửa bóng câu.
Đúng là giáo ngoại trần châu biệt truyền.
Mừng thay những bậc hữu duyên!

N.B.N.

Cước chú:

* Tỉnh từ này mượn từ dịch bản một bài kệ của Ngài
Lục Tổ Huệ Năng

Dịch bản này do thầy Thích Thanh Từ:

Ngơ ngơ không tu thiện.
Ngáo ngáo không làm ác.
Lẳng lẳng dứt thấy, nghe.
Thên thang tâm không dính.

Dưới đây là nguyên văn bài kệ của Ngài Lục Tổ:

Ngọt ngọt bất tu thiện.
Đằng đằng bất tạo ác.
Tịch tịch đoạn kiến văn.
Đẳng đẳng tâm vô trước.

Nhờ Đạo duyên, tôi được hân hạnh quen biết Ông Nguyễn Văn Nguyễn bút hiệu Đào Nguyên. Qua những cuốn sách ông gửi cho, tôi thấy Ông vừa là một học giả vừa là một nhà thơ lớn. Ông đã xuất bản trên 10 cuốn sách. Ông đã hai lần nhận giải thưởng thi thơ của người Việt hải ngoại tại Hoa Kỳ và thế giới. Ngoài lãnh vực văn chương, Ông còn viết về những vấn đề thuộc “Hình Nhi Thượng Học” như cuốn “Khổng Minh Thần Số” và cuốn “Khổng Minh Xuất Hành Pháp”. Vào mùa xuân Tân Ty, Thi sỹ Đào Nguyên có gửi cho tôi một bài Đường Thi nhan đề là TRỜI XUÂN. Ngay dưới nhan đề, Ông lại để thêm chữ “xướng”. Có lẽ Thi sỹ Đào Nguyên đọc cuốn sách do tôi kính tặng, thấy tôi có làm một số bài Đạo thi ở phần phụ lục, nên biết tôi có làm thơ. Vì vậy thi sỹ muốn cùng tôi xướng hoạ cho thêm phần vui vẻ buổi đầu xuân. Thôi thì “hay hèn nhẽ cũng nổi điều”, tôi đã làm hai bài Thi Hoạ XUÂN MỚI và XUÂN VĨNH CỬU.

Dưới đây là bài thi xướng và hai bài thi hoạ ấy:

TRỜI XUÂN

Xướng:

Trời xuân tươi thắm khắp năm châu
Xuân chẳng tình riêng ở một đầu
Sao kẻ chia ly lâm khốn khó
Lại người xum họp được sang giàu
Xin ai tài đức nâng đời đẹp
Hỡi bậc cao minh cứu cảnh sầu
Nhân loại thưởng xuân đều sướng cả
Ánh xuân rực rỡ chiếu muôn màu.

ĐÀO NGUYỄN

Hoạ 1:

XUÂN MỚI

*Xuân về! Xuân mới của năm châu.
Cảnh mới nhưng người có mới đầu.
Vẫn bám lối mòn tìm khốn khó.
Cứ theo đường cũ kiếm sang giàu.
Van xin Tha Lược ban tươi đẹp.
Cầu cạnh Ôn Trên giải muộn sầu.
Sao chẳng hồi đầu nương Đạo cả
Cho đời xuân mới rực muôn màu.*

N.B.N

Hoạ 2:

XUÂN VĨNH CỬU

*Chúa Xuân đã đến với năm châu.
Vui đấy, nhưng nào được mãi đâu.
Chẳng cứ là người đang khốn khó,
Mà ngay cả kẻ sẵn sang giàu.
Xuân tâm hằng hữu muôn đời đẹp.
Xuân cảnh phù du vạn cổ sầu.
Ai đó ước mong xuân vĩnh cửu,
Hãy quay ngược bóng Đạo sâu mầu.*

N.B.N

Một Đạo hữu, anh Chân Thường, gửi cho tôi bài Đường thi nhan đề là “Lại Lon Ton” do anh sáng tác và yêu cầu tôi họa bài thơ này. Tôi đã làm hai bài thơ họa: “Cứ Lon Ton” và “Mặc Lon Ton”. Dưới đây là ba bài Đạo thi (một xướng và hai họa) ấy:

Feb 15th 2009

XƯỚNG

LẠI LON TON

*Thế là nay đã tám mươi tròn.
Già khụ nhưng mà vẫn trẻ con. (1)
Ruột để ngoài da nên cứ trẻ.
Tâm không trong dạ hóa còn son.
Chuyện đời nếm trải xong quên hết.
Sự thế buông trôi tốt chẳng còn.
Võng mắc gốc cây nằm sưởi ấm.
Giãn lưng gậy chống lại lon ton.*

Chân Thường

HỌA 1

CÚ LON TON

*Ngoảnh đi, ngoảnh lại tám mươi tròn.
Nào có khác gì giấc mộng con!
Thanh tịnh giữ gìn đây dạ sắt.
An nhiên bảo nhậm nợ lòng son.
Khổ đau, phiền não quăng bằng hết.
Sợ hãi, tham sân vứt chẳng còn.
Đời ngắn nhưng mà không sống uổng.
Thảnh thơi cảnh Phật cứ lon ton.*

N.B.N.

HỌA 2

MẶC LON TON

*Tuy trong chớp mắt đã đầy tròn.
Nhưng chớ ngỡ rằng chuyện cỏn con.
“Năng” tuyệt mất tâm nên sáng rõ.
“Sở” ly bất tích hóa vàng son. (2)
Thời gian vắng bóng như không có.
Tư tưởng lặng im hết chẳng còn.
An lạc, ngát tràn hương giải thoát.
Tùy duyên phóng khoáng mặc lon ton.*

N.B.N.

Cước chú:

(1) Một Đạo nhân thường sống trong vô niệm, trong tỉnh thức, hồn nhiên, thơ ngây như con nít, nên khẩu hiệu hành Đạo của những người theo Lão Giáo là: “Phục quy ư anh nhi” tức trở về với trạng thái trẻ thơ, trở về với “xích tử chi tâm”, trở về với “anh nhi hạnh”.

(2) Cái thấy biết của thế nhân là cái thấy biết có Năng, có Sở, tức có chủ thể, có đối tượng. Cái biết này thường gây ra khen chê, yêu ghét, lấy bỏ, đưa tới dính mắc, cột buộc, mà hậu quả là phiền não, khổ đau, sợ hãi khôn lường. Khi đã ly Năng, tuyệt Sở rồi thì mới có được cái nhìn bình đẳng, trong sáng, thấy biết vạn pháp như vạn pháp đang là, một cái thấy biết giải thoát.

TÔI, TÔI, TÔI, TÔI

Tôi thường cùng Tôi đi đôi.
Nào ai đã thấy một thời rẽ phân.
Trong vòng mờ mịt ngã, nhân,
Mong gì thấy được Pháp Thân hiện tiền.
Còn Tôi còn Tôi triền miên,
Còn gây đau khổ, ưu phiền mẫn thiên.
Tôi còn cùng Tôi gắn liền.*
Có Tôi là có Tôi bên chẳng rời.
Ngoài Tôi và Tôi thì Tôi
Lại còn gắn bó với Tôi nữa cơ.
Tôi, Tôi kết tóc, xe tơ.
Tron đời khăng khít nơi bờ bên này.
Tôi, Tôi, Tôi, Tôi kết bầy,
Dương cờ ngã mạn càng ngày càng cao.
Biển phiền não càng chìm sâu.
Căn nhà lửa ấy cứ cầu gởi thân.
Luân hồi bất tận trôi lăn.
Tử sinh, sinh tử không ngăn mé chi.
Chung quy âu cũng chỉ vì
Cái Tôi tựa núi Tu Di cản đường.
Cái Tôi: khổ ách khôn lường.**
Thế mà bảo trọng, yêu thương mọi bề.
Mê sao đến thế là mê!

San Jose ngày 25 tháng 4 năm 2004
NBN

Cước chú:

* Ngài Lục Tổ có nói với vị tăng tên là Pháp Đạt đến tham vấn như sau:
“Hữu Ngã tội tức sanh” “Vong công phước vô tỷ” Dịch:
Hễ có Ta thì tội liền sanh. Quên công thì phước mới không gì so sánh.

** Mượn ý từ Bát Nhã Tâm Kinh (câu thứ nhất): Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Chữ “Tôi” trong bài thơ trên chỉ cho phàm ngã, một kiến trúc của tư tưởng. (Thought created self).

ĐẠO

Đạo cực kỳ huyền vi
Vốn bất khả tư nghì.
Không suy nghĩ đến được,
Luận bàn chẳng ích chi.

Có suy nghĩ cả đời,
Có luận bàn hết hơi,
Thì cửa Đạo vẫn cứ
Xa tít tắp mù khơi.

Đạo như trăng trên trời
Tỏa ánh sáng muôn nơi.
Niệm khởi như mây kéo
Che khuất trăng sáng ngời.

Còn văn tự, ngôn từ,
Thì đâu phải nghi ngờ,
Chính là tướng của niệm,
Là mây làm Đạo mờ.

Bởi Đạo mới tinh khôi
Mà niệm cũ kỹ rồi.
Lấy cũ mà tìm mới
Thì chỉ uống công thôi.

Bởi Đạo là vô sanh
Mà niệm là hữu sanh.
Lấy niệm mà tìm Đạo
Ắt hẳn là không thành.

Bởi Đạo phi thời gian
Mà niệm là thời gian,
Nên bước vào cửa Đạo
Phải vô niệm hoàn toàn.

Vì khi niệm khởi lên
Thị phi xuất hiện liền,
Thế là có gián trạch.(1)
Thế là có phược triền.(2)

Vô niệm là vọng tâm
Dứt bật tiếng nói thầm,
Khi đã vượt thoát được
Lưới thời gian giữ cầm.

Vô niệm tắt tâm vong.
Tâm vong ắt pháp vong.
Đâu còn phải tìm kiếm.
Cũng chẳng cần dụng công.

Phật Tánh hiển lộ ra
Qua diệu dụng Hằng sa.
Khéo nhận là thấy Đạo,
Cái nhiệm mầu bao la!

Cái vô thủy, vô chung!
Cái vô tướng chân thường!
Cái tối thượng, tối hậu!
Cái diệu minh khôn lường!

Không hề có đường vào,
Nhưng sẵn đó thuở nào.
Ngộ ra, lọt vào đây.
Duyên phước biết là bao!

Cứu rồi đích thị đây!
Phúc lạc là nơi này!
Nơi Bất Nhị tuyệt đối
Và chí thiện tròn đầy!(3)
NBN

Cước chú :

- 1 Giảm trách là lựa chọn.
- 2 Phước triền là trời buộc.
- 3 Chí thiện là không có gì hơn, là toàn hảo (perfect).

NHẬN RA

Lạ quá! Sao mà chẳng nhận ra.
Dầu sờ sờ đây chứ đâu xa.
Trọn đời khăng khít như hình bóng
Mà vẫn y như kẻ quáng lòa.

Con người chẳng lẽ lại vô tri,
Tựa gỗ đá kia chẳng khác gì.
Chắc chắn là không, không phải thế,
Vì người ai cũng có tư duy.

Đã có tư duy tất có Tâm,
Nhưng đừng nông nổi mắc sai lầm.
Đến, đi, đi, đến, vòng sinh diệt,
Bản chất tư duy ấy khách, trần.

Tư duy chẳng phải là Tâm đâu,
Vì lưới thời gian vướng mắc vào.
Cứ thế ba thời dao động miết.
Trôi lăn đau khổ biết là bao!

Tâm kia là chủ, là hư không.
Chẳng khứ, chẳng lai, chẳng dị đồng.
Minh diệu thì không đường nghị luận.
Vội ta vốn dĩ vẫn chung cùng.

Cái khổ thể nhân, khổ hết lời!
Tử sinh, sinh tử mãi không thôi.
Hắn còn tiếp tục trôi lăn mãi.
Nhận giặc làm con khổ nạn đời.

Trôi lăn vốn gốc ở tư duy.
Động niệm lăng xăng cứ nghĩ suy.
Tạo nghiệp dữ, lành vô số kể.
Luân hồi sao tránh khỏi hoàn quy.

Kinh, lục lời lời muốn chỉ ra
Cho ta nhận thấy cái tinh hoa
Vốn thường hiện hữu trong ta ấy:
Tâm Thể tinh khôi tuyệt đích mà!

Các vị Thiền Sư tâm lão bà,
Không ưa lời lẽ nói xa xa,
Tận tình chỉ thẳng cho mà thấy.
Roi gậy cũng thường chẳng bỏ qua.

Ấy thế nhưng mà cũng chẳng xong.
Đến không, rồi cũng lại về không.
Trót rồi ngón nọ quen ôm cứng.
Trăng ở nơi nao cũng mặc lòng.

Có khác nào người cùng tử kia
Bỏ nhà, bỏ cửa bước ra đi.
Lang thang làm khách phong trần mãi.
Ngày một xa quê, lạc lối về.

Cứ dính sáu trần, cứ chạy theo.
Hết yêu rồi ghét, ghét rồi yêu.
Hiệp cùng lục tặc gian truân lắm.
Lục đạo mong gì được thoát siêu.

Không nhận ra Diện Mục Bản Lai,
Công phu cũng uống một đời ai.
Vẫn vòng ngôn thuyết, vòng văn tự.
Cửa Đạo xem ra vẫn đứng ngoài.

Hãy cứ luôn luôn tỉnh thức đi.
Lặng im chẳng nghĩ, chẳng suy gì.
Hiện tiền sống trọn từng giây phút.
Nhờ cái gì đây có giác tri?

Cái giác tri này thuần giác tri,
Mới tỉnh, bình đẳng, hết hồ nghi.
Thời gian tâm lý không còn nữa,
Nên cũng không còn chuyện thị phi.

Khéo nhận ra thì cũng đã hay.
Đường tu đến đó đã mừng thay!
Nhưng sao sống được cùng Tâm Thể,
Phật, Tổ mới là được giắt tay.

Thế là từ đó trở về sau,
Chẳng Phật, pháp chi để vọng cầu.
Vô Pháp pháp này là cực pháp.
Thông dong cửa Đạo đã đi vào.

Cái cảnh giới này mới thật là
Không còn dấu vết của Ta Bà.
Nơi đây giải thoát và an lạc.
Sinh tử, não phiền đã lánh xa.

Jan 31st 2005

NBN

CÙNG CÁI KHÔNG HAI

Trở về sông với Bất Sinh,
Tức là sông với chính Minh xưa nay,
Ngoài vòng thành hoại vẫn xoay,
Giữa nơi phúc lạc tràn đầy vô song.
Đâu còn cá chậu, chim lồng.
Thênh thang không có, không không khôn lường.
Nhiệm mầu, minh diệu, chân thường.
Bút thần, câu thánh hết đường diễn phô.
Tuyệt nhiên không có đường vô (vào).
Nào ai chỉ được lộ đồ cho ai
Đi tìm Diện Mục Bản Lai.
Cũng thì được tuệ tự soi một mình.
Phi thời, đương xứ mới tinh,
Hồi đầu, chứng nghiệm Cái Minh, Cái Ta.*
Giã từ Thế Giới Sa Bà.
Quay về an trú nơi nhà cũ xưa,
Lẫn lăm bỏ tự hoang sơ,
Làm “phong trần khách”** bơ vơ, lạc loài.
Từ đây cùng Cái Không Hai.

Chân Thường + NBN

Cước chú:

* Cái Ta đây là cái Chân Ngã (Real Self)

** Chữ của Ngài Trần Thái Tôn dùng trong câu thơ sau đây:

“Vĩnh vi lãng đẳng phong trần khách”

CÁI KHÔNG MỘT VẬT LÀ TÔI

Bản lai một vật cũng không.(1)
Nhưng mà vạn pháp khắp trong trần hoàn,
Kìa như thảo mộc trên ngàn,
Nọ như cát đá ngổ hàng vô tri,
“Phàm sở hữu tướng” chi chi (2)
Cũng đều có cái cực kỳ huyền vi,
Cái mà bất khả tư nghị,
Tinh hoa, cốt lõi khôn bì ẩn trong.
Không hề có pháp nào không
Nương vào Cái Ấy mà mong có, còn.
Nhưng loài Tiền Thức khác hơn, (3)
Sự sự vốn vẫn sạch trơn mọi bề.
Chẳng như hoàn cảnh nhiều khê
Mà loài Hữu Thức đắm mê chuốc vào. (4)
Triền miên quần quai khổ đau.
Tử sinh, kinh cộ làm nau đời đời.
Thế nên tha thiết, nổi sôi,
Vấn đề giải thoát con người đặt ra.
Lang thang mãi chốn Ta Bà.
Đường về nhà cũ cứ xa, xa dần.
Đoạn trường day dứt lẫn khôn.
Đầy voi khổ hải trầm luân tháng ngày.
Khi liễu ngộ Khổ Đế này

Lại ưa hướng ngoại, và say nguyên cẩu.
Những mong Tha Lực nhiệm mầu
Ra tay cứu rỗi khổ đau thoát vòng.
Mấy ai ghi nhớ nằm lòng
Rằng Cái Ấy đã ngay trong thân này.
Quay ra kiểm đó, tìm đây,
Chạy theo ý thức đặt bày uổng công.
Nọ sẵn đây “bảo gia trung”. (5)
Nhận ra của báu, sống cùng là xong.
Niết Bàn, Phật Quốc thông dong.
Thời gian tuyệt đối không, trong chốn này.
“Tịch tri thường tại” tròn đầy. (6)
“Pháp vô pháp” ấy tự hay, tự hành. (7)
Đây là cứu rỗi đích danh.
Đây là giải thoát viên thành chẳng sai.
Nào đâu phải chuyện lâu dài.
Thên thang điều đạo, Sao Mai hẹn về. (8)
Màn Vô Minh hết ám che
Thị phi thôi cũng hết bề kéo lôi. (9)
Cái không một vật là Tôi. (10)

NBN

Cước chú:

- (1) Lời của Lục Tổ: “Bản lai vô nhất vật” có nghĩa là xưa nay không một vật để nói về cái Thể Tánh không hình, không tướng.

- (2) Kinh Kim Cang: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng” có nghĩa là phàm những gì có hình tướng đều là hư giả cả.
- (3) Tiền Thức: Tiền Ý Thức
- (4) Hữu Thức: Hữu Ý Thức
- (5) Trong bài kệ “Cư Trần Lạc Đạo” của Ngài Trần Nhân Tôn tức Sơ Tổ Trúc Lâm có câu: “Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch” nghĩa là của báu đã sẵn trong nhà rồi, không phải đi tìm đâu nữa.
- (6) Sống với hiện tiền và thấy biết không lời
- (7) Trong bài kệ “Niêm Hoa Vi Tiểu” có hai câu:
 “Pháp bản pháp vô pháp.”
 “Vô pháp pháp diệt pháp.”

Nghĩa là: Cái pháp gốc chẳng phải là pháp.

Cái không phải pháp ấy cũng là pháp.

- (8) Trước khi Sao Mai chưa mọc thì Đức Phật chưa thành Đạo, Khi Sao Mai mọc thì Ngài Thành Đạo. Việc thành Đạo của Ngài đã xảy ra chớp nhoáng. Con đường tu hành của Ngài dài tới ba vô số kiếp. Sau khi thành Đạo, Ngài đã chỉ cho chúng sinh con đường tắt, con đường chim bay hay điều đạo để chúng sinh có thể tức thì đến với Đạo, không phải tu hành khổ công, lâu lắc như Ngài.
- (9) có thời gian là có tư tưởng. Có tư tưởng là có nhị nguyên đối đãi: thiện ác, thị phi, từ đó có yêu ghét, có lấy bỏ. Tam Tổ Tăng Xán trong tác phẩm “Tín Tâm Minh” đã dạy: “Chỉ Đạo vô nan, duy hiềm giản trạch” nghĩa là đến với Đạo không khó, khó chỉ vì chọn lựa, lấy bỏ.
- (10) “Tôi” đây chỉ cho Chân Ngã (Real Self) chứ không phải chỉ cho Phàm Ngã (Thought Created Self).

Một Đạo hữu gửi cho tôi bài Đường thi nhan đề là Sắc Không. Đọc thi phẩm này, thấy có cảm hứng, tôi đã làm ba bài thi họa dưới đây: bài thứ nhất: TỰ CẢM CHÍN KHÔNG; bài thứ hai: CÓ LÀ KHÔNG và bài thứ ba: CÓ, KHÔNG.

NBN

SẮC KHÔNG

Biến dịch khởi duyên lý sắc không.
Sinh thành trụ diệt chẳng ai không.
Tụ tan vật lý tùy thời lượng.
Hằng chuyển tâm linh há lẽ không.
Trần thế đoản kỳ luôn bởi sắc.
Thái Hư vĩnh cửu cội do không.
Nhân sinh vọng tưởng trôi lăn mãi.
Giác ngộ vô thường thanh thản không.

NNC

HQA 1

TỰ CẢM CHÍN KHÔNG

Công với danh hai thứ đã không.
Tiền tài, sản nghiệp lại tay không.
Thân bằng sớm muộn đâu còn nữa.
Quyển thuộc chóng chầy cũng sẽ không.
Ngũ uẩn y tha âu cũng huyễn.
Nhục thân duyên hợp vốn là không.
Cuộc đời trần thế, ôi bào ảnh!
Có đấy, nhưng rồi rốt cuộc không.

NBN

HQA 2

CÓ LÀ KHÔNG

Nhị nguyên đối đãi Có và Không.
Chấp Có cũng lầm tựa chấp Không,
Vì Có phải đâu là thật Có,
Và Không âu cũng chẳng thuần Không.
Xưa nay vốn vậy Không mà Có.
Sau trước quả rằng Có lại Không.
Trung Đạo mới hay đây Lẽ Thật. (1)
Lời vàng muôn thuở Có là Không. (2)

NBN

HQA 3

CÓ, KHÔNG

Quanh quẩn dài dài chuyện Có, Không,
Vì chung chưa tỏ Có và Không.
Phù du chốc lát cho rằng Có.
Vĩnh cửu đời đời lại nói không.
Vạn pháp hữu hình đâu phải Có.(3)
Pháp Thân vô tướng chẳng là Không. (4)
Chùng nào thiên hạ còn mê, tỉnh,
Thì vẫn còn dài chuyện Có, Không.

NBN

Cước chú:

(1) Trung Đạo là ly nhị biên. Đứng về mặt Có cũng sai và đứng về mặt Không cũng trật, vì chân lý nằm ở giữa: Có mà Không, Không mà Có.

(2) Lấy từ Bát Nhã Tâm Kinh: Sắc tức thị không, không tức thị Sắc. Thọ, Tưởng, Hành ,Thức diệt phục như thị.

(3) Vạn pháp đều là duyên sanh nên chỉ giả có thôi, chứ không thật có.

(4) Pháp Thân thì hắng hữu, chân thường và thường trực nơi thân xác con người, nhưng không có hình tướng, nên rất khó mà nhận ra được. Vì không thể nhận ra nên cho là không có. Cái yếu

chỉ của Thiền Tông là chỉ cho Thiền gia nhận ra
Pháp Thân nơi mình.

TA

Thật chẳng có gì để gọi: Ta.*

Duyên sanh năm uẩn đẩy thôi mà!

Chập chùng kết hợp phù du vậy.

Bỗng chốc ly tan thấm thoát à.

Không, có, có, không tia điện xẹt.

Mất, còn, còn, mất hạt sương sa.

Nhận ra Ta vốn là hư vọng,**

Tự tại, thông dong trở lại nhà.

NBN

Cước chú:

*Ta đây là Phàm Ngã hay Vọng Ngã, con đẻ của tư tưởng (Thought Created Self)

**Mượn ý từ một câu trong Kinh Kim Cang: “Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng. Nhược kiến chư tướng phi tướng tức kiến Như Lai” nghĩa là phàm những gì có hình tướng thì đều là hư vọng cả. Nếu thấy hình tướng chẳng là hình tướng thì thấy được Phật, tức thấy được hạnh phúc, an lạc.

ẤY ĐẦY THIỀN

Đối cảnh vô tâm, ầy đầy Thiền.(1)

Sáng trung, tỉnh thức biết luôn, liền.

Lâng lâng xóa sạch hần thân thức.(2)

Lẳng lẳng xua tan vết não phiền.

Bám sát hiện tiền lưu tự tại.

Buông lơi quá khứ trụ an nhiên.

Qua làng cổ độc môi không thấm (3)

Một giọt nước thôi, ầy đầy Thiền.

NBN

Cước chú:

- (1) Ngài Sơ Tổ Trúc Lâm, trong bài kệ Cư Trần Lạc Đạo, có viết: “Đối cảnh vô tâm mặc vấn Thiền”, nghĩa là trước cảnh mà tâm không khởi niệm thì không còn gì để nói về Thiền nữa.
- (2) Thúc thân: tự mình ràng buộc lấy mình, không tự do phóng túng (định nghĩa trong Từ Điển Hán Việt Từ Nguyên của soạn giả Bửu Kế).
- (3) Có vị tăng hỏi Thiền sư Bôn Tịch:
Học nhân trong 12 giờ làm thế nào để bảo nhậm?

Sư đáp:

Như người đi qua làng cổ độc, một giọt nước cũng chẳng được thấm môi.

(Ý Thiền Sư muốn ví Thiền gia phải tránh khởi niệm như người qua làng cổ độc tránh không được thấm môi vào một giọt nước vì nước ở làng này có nhiễm độc.)

XE TỐI THƯỢNG

Thiền là sống trọn đầy, ai ơi!

Trọn với hiện tiền, chỉ vậy thôi.

Này nọ thấy thôi, không chọn lựa. (1)

Trước sau biết đầy, chẳng lên lời. (2)

Tầm chương, trích cú luôn hờ hững. (3)

Diệu thuyết, huyền đàm cũng bỏ rơi. (4)

Đầy đích thị là xe tối thượng (5)

Đưa người thẳng tới cõi Bồng Lai.

NBN

Cước chú:

1- Thấy vạn pháp như vạn pháp đang là, không chọn lựa, lấy bỏ.

2- Biết cảnh mà không khởi niệm. Lời đây là lời nói không âm thanh. Lên lời tức khởi niệm đưa tới ghét, yêu.

3- Kinh sách là cái ngón chỉ trăng chứ không phải trăng. Ngài Bồ Đề Đạt Ma cũng dạy là kinh sách không với tới Đạo được. Tầm chương, trích cú không thể giúp cho hành gia thấy Đạo.

4- Khẩu thuyết, lý luận, bàn cãi dù là hay ho, sâu sắc đến mấy cũng không thể giúp ích gì cho hành gia cả.

5- Xe Tối Thượng dịch từ Tối Thượng Thừa.

ĐÁP THƯ ĐẠO HỮU PHƯƠNG XA

Nhận thư anh thăm hỏi,
Vui mừng quá đi thôi!
Vì chúng mình xa cách
Ngót hai thập niên rồi.

Liên mượn giấy, mượn bút
Viết hồi âm đôi lời,
Đề thưa anh được rõ
Chuyện Đời, Đạo của tôi.

Nay tuổi ngoài bát thập.
Già, bệnh đang trên đà.
Nhưng Người Ấy vô sự,
Chẳng bệnh cũng chẳng già.

Cơm ngày một, hai chén.
Rượu, thuốc bỏ từ lâu.
Bạn bè nhiều vô số
Chả mời gọi ai đâu. (1)

Kinh sách thường siêng đọc.
Độc kinh sống mới toanh.
Đuốc Tuệ ấy tự thắp.
Pháp Vô Pháp tự hành.

Tám gió thổi vẫn động.(2)
Khác xưa, thấy biết liền.
Còn Người Không Ngôi Thứ (3)
Gió mây cũng bình yên.

Đã rõ cảnh giả tạm,
Nên đối cảnh vô tâm.
Cảnh sao thấy biết vậy.
Không yêu, ghét lẫn lăm.

Luôn phản quang tự kỷ.
Trong Tâm, Tham, Sân, Sy
Có hay không đều biết,
Chẳng bỏ sót điều gì.

Muốn gọi sao cũng được,
Thiền, Tĩnh hay chỉ chi,
Miễn làm sao miên mật
Trong “thường tại tịch tri”.

Hành Đạo trước sau vậy.
Tĩnh tấn là tốt thôi.
Còn ngôn từ, văn tự
Chỉ là chuyện đầu môi.

Anh quan tâm gạn hỏi
Tôi vẫn tu tại gia,
Hay đã đi tầm Đạo
Nơi núi thẳm, rừng già.

Đạo với Đời là một.
Xa lánh cuộc sống này,
Hướng ra ngoài tìm Đạo
Thì sao tìm được đây!

Ngay trong thân năm ăm
Đã sẵn Phật, chùa rồi. (4)
Còn chạy đi tìm kiếm
Thì chỉ uống công thôi.

Cứu cánh của Phật Đạo
Là nhận biết rõ ràng
Rằng trong ta có Phật
Ngày đêm phóng hào quang. (4)

Nhận biết được như thế,
Kể như đường tu hành
Đã tới được trạm chót.
Đạo sáng rõ rành rành.

Sáng Đạo rồi, sống Đạo.
Tự do như gió, mây.
Tùy duyên và phóng khoáng
Giữa phúc lạc tròn đầy.

Được theo chân Phật, Tổ
Là đại phước, đại duyên.
Đấy con đường duy nhất
Trở lại với Chân Nguyên.

Vững một lòng, một dạ
Trên đường Đạo mà đi.
Có đi là có đến.
Khéo nhận, đến tức thì.

Nay xin được trân trọng
Có đôi lời gửi anh.
Kính chúc anh mạnh khỏe
Và Đạo quả viên thành.

Thân kính
NBN

Cước chú:

(1) Các hành giả thường sống trong chánh niệm nghĩa là sống với chân kiện hiện tiền, tức với tục đề, không suy nghĩ lãng xăng, đây đó. Nhà Thiền gọi các vị này là những “Người không cùng muôn pháp làm bạn”. Còn thế nhân thì lại thường sống với bóng, với ảnh, moi móc những chuyện cũ xì của quá khứ, phóng ra những chuyện không tưởng của tương lai để nghiền ngẫm, để làm bạn đêm ngày, hôm sớm, và kết quả là tự chuốc lấy phiền não, khổ đau và sợ hãi.

(2) Tám gió hay bát phong đã giải thích ở trang 387.

(3) Dịch từ “Vô Vị Chân Nhân”, một tên gọi khác của Chân Như Phật Tánh.

(4) Mượn ý từ bài kệ của Thiền Sư ni Liễu Nhiên sau đây:

Ngũ âm sơn đầu cổ Phật đường,
Tỳ Lô trú dạ phóng hào quang.
Nhuộc năng ư thử phi đồng dị,
Tức thị Hoa Nghiêm biến thập phương.

Tạm dịch là:

Trên đầu núi Năm Âm sẵn có ngôi chùa cổ.
Phật ngày đêm phóng hào quang ở đó.
Nếu như ngay đây mà không có dị đồng
Thì cảnh giới Phật trùm khắp mười phương.

NÀO XA XÔI GÌ.

Lọt lòng đã sẵn có rồi.
Nay sao vất vả tìm tòi uổng công.
Có tìm trọn kiếp cũng không
Thấy đường ra thoát khỏi vòng khổ đau.
Tưởng rằng cứ cúng, cứ cầu
Thì rồi Tha Lực Nhiệm Mầu đoái thương,
Xóa tên trong Sổ Đoạn Trường,
Thế là cuộc sống trăm đường an vui.
Nhưng không, ấy chuyện vẽ vờ.
Trăm luân vẫn cứ suốt đời trăm luân.
Nếu như thấy được nguyên nhân:
Thời gian là gốc vô ngân trần lao,(1)
Thì đâu phải cúng, phải cầu.
Cửa Đương Xứ ấy mau mau bước vào.(2)
Hiện tiền phúc lạc biết bao! (3)
“Tịch tri thường tại” pháp cao tuyệt vời!(4)
Hồn nhiên, ngơ ngáo, vậy thôi. (5)
Chẳng cần sớm tối, đứng ngồi dụng công.
Niết Bàn tại thế thông dong.
Sức nào mà cứ nhọc lòng bôn ba.
Hoài công “nhập hải toán sa” (6)
Quay đầu, ngay đây nào xa xôi gì.
Bỏ Đời, cầu Đạo làm chi.

NBN

Cước chú:

(1) Thời gian đây là thời gian tâm lý. Trần lao là phiền não, lao nhọc.

(2) Dương xứ: lúc này và tại đây

(3) Tư Tưởng là gốc của phiền não, khổ đau và sợ hãi. Hiện tiền là đất chết của tư tưởng. Tư tưởng không bén mảng đến đất này được vì hiện tiền vốn phi thời gian. Phi thời gian là phi tư tưởng, là giải thoát, là phúc lạc.

(4) Sống với hiện tiền và thấy biết không lời.

(5) Tỉnh từ “ngơ ngáo” này mượn từ bản dịch bài kệ của Ngài Lục Tổ do thầy Thích Thanh Từ thực hiện (xin xem phần cước chú nơi trang 431).

(6) Lời của Thiền Sư Huyền Giác trong “Chứng Đạo Ca” có nghĩa là vào biển đếm cát, một việc làm vừa vô ích vừa kéo dài bất tận.

LỢ PHẢI

Hữu ngã, hàm dung cả Đất Trời.*
Tùng duyên sanh diệt ấy trò chơi.
Quán thân như thị Tâm thanh tịnh.
Khán pháp đang là Ý thanh thoi.
Tu tập Chân Thiền không giải đãi.**
Thực hành Chánh Pháp chẳng buông lơi.
Hiện tiền khéo nhận âu là thấy.
Lợ phải trèo non, vượt biển khơi.

NBN

Cước chú:

*Vạn pháp đều là “Nhân Duyên Sở Sanh pháp” nên bản chất là vô ngã luôn luôn đổi dời, biến hoại. Không có pháp nào là một thực thể cố định (fixed entity) cả. Chỉ riêng có Chân Như Phật Tánh mới duy nhất là một pháp hữu ngã tức là một thực thể cố định mà thôi.

Hàm dung: chứa đựng

**Giải đãi: trễ nải, biếng nhác (định nghĩa trong Từ Điển Phật Học của soạn giả Đoàn Trung Còn).

UÔNG CHUYỆN TÂM CẦU

Tâm sư học Đạo đã từ lâu.

Cầu ngộ Chân Như, Lễ Nhiệm Mầu.

Một sáng, bỗng nghe chim chóc hót.

Giật mình! Ôi uông chuyện tâm, cầu!

NBN

XIN MỜI

Cửa Không là cửa Thiền Tông.
Đích danh Thiền giả tâm không thì vào.
Những gì vay mượn, bói đào,
Đông Tây, kim cổ thuở nào bỏ đi.
Khuôn vàng, thước ngọc chi chi
Cũng không hề giúp ích gì được đâu.
Cửa Thiền chẳng có cơ cầu. (1)
Nơi nơi rộng mở như hầu đó đây.
Vì Thiền là sống tròn đầy (2)
Ngay trong cuộc sống hàng ngày là xong.
Đừng ước muốn, đừng cầu mong.
Ngã không, pháp cũng lại không, tham gì?
Sống đâu, xong đấy, yên bề. (3)
Ung dung quay gót trở về gia hương.
Thiền đâu có lối, có đường. (4)
Thiền Tông yếu bí: bình thường tâm thôi.
Nào ai Thiền khách xin mời.

NBN

Cước chú:

1- Cơ cấu: lồi thoi, rắc rối (complicated)

2- Hành Thiền là sống không trốn chạy mà sống trọn vẹn với cuộc sống, ngay khi làm công kia, việc nọ trong cuộc sống hàng ngày, nghĩa là sống với chân kiện (fact), chứ không sống với khái niệm. Sống như thế, Thiền Tông gọi là sống trong chánh niệm. Lục Tổ nói: “Ly thể mịch Bồ Đề, khắp như tầm thổ giác” Rồi cuộc sống hàng ngày mà đi tìm Đạo thì chẳng khác gì đi tìm sừng thỏ. Còn Ngài J Krishnamurti thì nói: “Meditation is not a separate thing from life; It is the very essence of life, the very essence of daily living”

3- Thiền gia chân chính sống đến đâu xong đến đấy. Bắt đầu và cũng chấm dứt luôn (beginning và ending ngay, chứ không có continuity), vì nếu có continuity thì lại rơi vào lưới thời gian, nghĩa là phải “move on” chứ không dừng lại.

4- Vào cửa Thiền thì phải vào tức thì, chứ không có con đường nào dẫn đến cửa Thiền cả. Nếu có con đường thì lại có thời gian và hậu quả là lại có tư tưởng, lại có vướng mắc. Câu này cũng còn có nghĩa là Thiền không có phương pháp, mẫu mực, khuôn sáo nào, vì nếu có thì lại có khái niệm, và khi đã có khái niệm thì Thiền lại chỉ là một trò chơi của tư tưởng thôi. (a play- thing of the mind). Thiền gia hành Thiền cũng không nhất thiết ngồi, không cần nhắm mắt, không cần Thiền thất, Thiền đường.

RIÊNG TA VẪN THẾ

(khai bút đón xuân giáp Ngọ)

Ty đã đi qua, Ngọ đến rồi,
Riêng Ta thì vẫn thế mà thôi.
Xưa nay chẳng có đi cùng đến.*
Sau trước cũng không đổi với đời.
Bật niệm vương vào mơ quá khứ.
Dứt tâm mắc mứu mộng tương lai.
Thời gian ắt hẳn luôn vẫn chuyển.
Vẫn thế, riêng Ta vẫn thế thôi.

Vẫn thế, riêng Ta vẫn thế thôi.
Tuyệt không trôi sụt với đầy vơi.
Thanh an vắng lặng trò tư lự.
Tự tại im lìm chuyện khúc nhôí.**
Phú quý hết thời gây cuốn hút.
Vinh hoa mất thế tạo đeo đai***
Thế gian biến đổi từng giây phút.
Vẫn thế, riêng Ta vẫn thế thôi.

NBN

Cước chú:

Chữ Ta trên đây xin hiểu là Chân Ngã chứ không phải Phàm Ngã.

*Phỏng theo câu trong Kinh Kim Cang: “Vô sở tùng lai, diệt vô sở khứ, cố danh Như Lai” có nghĩa là cái không từ đâu đến và cũng không đi về đâu nên gọi Như Lai. Như Lai chỉ cho Phật Tánh và cũng là một trong mười phương danh của Đức Phật.

** Khúc nhôi (hay khúc nôi): nỗi niềm, sự tình riêng.

Biết cùng ai tỏ khúc nôi (Nhị Độ Mai)

*** Đeo đai: vướng víu.

Trông nàng, chàng cũng ra tình đeo đai (Nguyễn Du)

(Đây là hai định nghĩa trong Việt Nam Tân Từ Điển của soạn giả Thanh Nghị)

MỈM CƯỜI

Mỉm cười như Đức Phật
Khi nhận ra Lẽ Thật. (1)
Xưa nay không một vật, (2)
Tựa hư không mà thật.
Tưởng chừng như bí mật
Vì không dễ nắm bắt.
Nhưng nó vốn có mặt
Thường trực ngay trước mắt,
Chẳng bao giờ ẩn khuất,
Nên không phải chật vật,
Hay đôn đáo trầy trật,
Hoặc van vái Trời Đất,
Mới nhận ra Lẽ Thật.
Đừng "quên mình theo vật". (3)
Cứu cánh ắt sẽ đạt.
Nhận ra là xong tất.
Không có chuyện đắc, thất, (4)
Hay hơn thua, cao thấp. (5)
An trú trong Lẽ Thật,
Nơi phúc lạc bậc nhất.
Hết khổ đau chồng chất.
Hết phiền não vương vất.
Luôn tự tại miên mật.
Mỉm cười như Đức Phật.

Chân Thường + NBN

Cước chú:

- (1) Lễ Thật: Chân Tâm, Thể Tánh, Cái Thực Tướng Không Tướng tối thượng, tối hậu.
- (2) Dịch từ câu “Bản lai vô nhất vật” trong một bài kệ của Ngài Lục Tổ đang ở Pháp Bảo Đàn Kinh.
- (3) Lời dạy của Đức Phật.
- (4) Cái Lễ Thật vốn có sẵn trong tất cả mọi người, nên nhận ra không phải là đắc, và không nhận ra chẳng phải là thất.
- (5) Cái Lễ Thật vốn giống nhau trong tất cả mọi người, nơi Thánh không thêm, nơi phàm không bớt, nên khi nhận ra thì không thể có chuyện hơn thua, cao thấp được.

PHÁP GỐC

Cỏ kim không đến cũng không đi.
Tuyệt đối không hề chuyển dịch chi.
Tĩnh lặng, bao la, lồng lộng thế,
Và không sinh diệt, giảm tăng gì.

Chẳng phải nhân duyên kết tụ thành.
Cũng không có chuyện bỗng nhiên sanh.
Vốn là tự hữu, là hằng hữu.
Ngay đây! Nhưng ai hỏi đã rành?

Luôn mới tinh khôi tự thuở nào.
Thời gian không chỗ lọt chân vào.
Lại không trên dưới, không hơn kém.
Ngôn ngữ lời nào tả được sao!

Ai phát tâm cầu quả Bất Lai. (1)
Thoát vòng sinh tử khổ đau này,
Hãy nên khéo léo nhận ra được.
Ngọc ấy nơi mình sẵn có đây.

Biểu hiện Ngọc này là giác tri.
Sáng trưng, bình đẳng bất tư nghi.
Vĩnh hằng như thế và như thế.
Vô thủy đến giờ vẫn thế ni.

Riêng Ngọc này là thực có thôi.
Thực này, thực tại cuối cùng rồi.
Ngoài ra vạn pháp đều hư giả.
Có đó mà không chẳng mấy hồi.

Nếu vẫn không sao nhận được ra.
"Gia trung hữu bảo" ở nơi ta,
Thì tuy cửa Đạo tâm tay đây,
Mà vẫn như trời với đất xa.

Hãy cứ quay vào hiệp giác đi. (2)
Sống cùng ngọc quý tình khôi kia.
Tránh quay ra hiệp trần như trước. (3)
Giải thoát nào đâu có khó gì.

Hắn ai Thiên giả cũng hay rằng.
Sau trước Thiên Tông dạy rõ ràng:
"Trực chỉ nhân tâm" là yếu bí.
Tìm đường trở lại với gia hương.

Pháp gốc là đây, pháp tốt cùng.
Đoạt nhân, đoạt cảnh cả hai không. (4)
Hỏi còn gì nữa mà tìm kiếm.
Cho mất thời giờ, uổng phí công.

Đòi người thẩm thoát có là bao.
Cửa sổ bóng câu chẳng khác nào.
Chỉ kiếm tìm thôi đầu đã bạc.
Khổ đau sao lại cứ ngăn rào!

Gặp được và hành pháp gốc này,
Hẳn là duyên phước phải tràn đầy.
Ba vô số kiếp đường dài ấy.
Thu lại biến thành điều đạo ngay. (5)

NBN

Cước chú:

(1) Bất lai: không trở lại nữa vì đã giải thoát khỏi sinh tử luân hồi.

(2), (3). (5) : xin xem phần cước chú của bài "Quay về nhà cũ"

(4) : Đoạt nhân là buông xả vọng tâm bên trong, để không vướng mắc cảnh bên ngoài.

Đoạt cảnh là thấy cảnh bên ngoài hư giả để tâm không nhiễm cảnh nữa.

Với Thiền Tông thì "Nhân, cảnh câu bất đoạt" nghĩa là vọng tâm và ngoại cảnh đều dẹp bỏ cả mà chỉ thấy biết như thị, tức thấy biết vạn pháp như vạn pháp đang là.

CHÂN NGUYÊN QUAY VỀ

Còn duyên, còn sống ở đời,
Còn yêu thương hết mọi người thế gian.
“Khôn tắc miên, cơ tắc xan”. (1)
“Vô tâm đối cảnh” an nhàn Đạo nhân.
Với Không Tướng*, “vô giá trần”, (2)
Cái “Sinh Tử Bất Tương Can”, chung cùng. (2)
Hữu Dư năm tháng thung dung.
Quy y Tam Bảo “gia trung” diệu huyền (1)
Bao giờ đoạn tận chư duyên,
Thì vui nhẹ gót Chân Nguyên quay về. (3)
Giã từ biển khổ, sông mê.

NBN

Cước chú:

(1) Mượn lời, mượn ý của Ngài Sơ Tổ Trúc Lâm trong bài kệ “Cư Trần Lạc Đạo”:

-“Khôn tắc miên, cơ tắc xan” Câu này có nghĩa là một thì ngủ, đói thì ăn, ý nói một cuộc sống hoàn toàn tùy duyên, duyên sao hay vậy.

-“Đối cảnh vô tâm” là trước cảnh mà không vướng mắc vào cảnh tức không khởi niệm yêu, ghét (without psychological involvement). Ngài Sơ Tổ dạy: “Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền” nghĩa là đối cảnh mà không yêu ghét, lấy bỏ thì không còn gì để nói về Thiền nữa.

-“ Gia Trung” là có sẵn ở trong nhà, chứ không phải ở bên ngoài và cũng không phải từ ngoài cửa đi vào. Cả câu này có nghĩa là quy y Tam Bảo: Phật , Pháp, Tăng vốn đã có sẵn trong ta. Phật đây là Phật Pháp Thân. Pháp đây là “Pháp Bồn Pháp Vô Pháp”, một tên gọi khác của Chân Như

Phật Tánh. Tăng đây là sự thanh tịnh, một thuộc tính vốn sẵn có của Chân Như Phật Tánh.

(2) Những từ này mượn nơi tác phẩm “Chứng Đạo Ca” của Ngài Huyền Giác:

-“vô giá trân”: của quý không giá.

-“sinh tử bất tương can”: không dính dáng đến sinh tử.

(3) Chân Nguyên là Chân Thể Uyên Nguyên, cái căn gốc của vũ trụ vạn pháp, cái cội nguồn của chư Phật mười phương và ba đời.

* Thực Tướng Không Tướng chính là Chân Tâm, Thể Tánh, là Chân Lý tối thượng, tối hậu, là Vô Thượng Pháp Môn mà Đức Phật đã truyền trao cho Ngài Ma Ha Ca Diếp, vị Tổ thứ nhất của Ấn Độ, trong Đại Hội Linh Sơn.

Là Đạo nhân, các Ngài vãng sanh ngay khi còn ở cõi thế gian này, tức luôn sống an vui với cái “Sinh Tử Bất Tương Can”, cùng với tình yêu thương rộng khắp. Khi viên tịch, các Ngài an vui về với Chân Nguyên tức gốc gác, cội nguồn, không trở lại nữa, có chăng vì hạnh nguyện cứu độ.